

Số: 07/2022/CBTT-VĐ

Thái Bình, ngày 16 tháng 02 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UBCK NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
2. Địa chỉ trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
3. Điện thoại: 0903 022 222
4. Mã chứng khoán: SVD
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Tuấn Phương Chức vụ: Tổng Giám đốc-
Người đại diện theo pháp luật
6. Loại công bố thông tin: 24 giờ, 72 giờ, bất thường, theo yêu cầu, định kỳ
7. **Nội dung công bố thông tin:**

Ngày 16/02/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng Công bố Bản cáo bạch “ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng ”

Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/02/2022 tại đường dẫn <https://vudang.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY

Tài liệu đính kèm:

- Bản cáo bạch “ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng ”



VŨ TUẤN PHƯƠNG

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600986828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 05/04/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/10/2021)

VUDANG., JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 20 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 02 năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày tháng năm 2022 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG

- Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Đông Phong, Xã Đông Quan, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- Điện thoại: 02276262669
- Website: <https://www.vudang.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 024 3944 6666 Fax: 024 3944 8071
- Website: www.irs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

- **Họ tên: Ông Vũ Hoàng Nam**
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Điện thoại: 0903.022.222

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600986828 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 05/04/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/10/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Giá chào bán:** 10.000 đồng/ cổ phiếu
- **Mã cổ phiếu:** SVD
- **Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 12.900.000 cổ phiếu
(Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1)
- **Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 129.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ đồng).*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

- Trụ sở chính: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (024) 37 425 888 Fax: (024) 37 578 666
- Website: <http://kiemtoanttp.com> - <http://kiemtoanttp.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3944 6666 Fax: (84-24) 3944 8071
- Website: www.irs.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. Tổ chức phát hành	6
2. Tổ chức tư vấn	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	10
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	11
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	13
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	13
6. Rủi ro quản trị Công ty.....	15
7. Rủi ro khác	16
III. CÁC KHÁI NIỆM	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	17
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	18
3. Tầm nhìn - Sứ mệnh	19
4. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	19
5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty.....	20
6. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	23
7. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	23
8. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	26
9. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	26
10. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	27
11. Hoạt động kinh doanh.....	27
12. Chính sách đối với người lao động.....	59
13. Chính sách cổ tức	60
14. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	61
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	64
16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	64
17. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà	

chưa được xóa án tích.....	64
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	65
1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	65
2. Tình hình tài chính.....	68
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	77
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	94
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng	94
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu	94
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 12.900.000 cổ phiếu	94
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 129.000.000.000 đồng.....	94
5. Giá chào bán dự kiến:.....	94
6. Phương pháp tính giá.....	94
7. Phương thức phân phối.....	95
8. Đăng ký mua cổ phiếu	96
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	96
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	97
11. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	98
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	98
13. Hủy bỏ đợt chào bán.....	98
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	98
15. Các loại thuế có liên quan.....	98
16. Thông tin về các cam kết.....	99
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:.....	99
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	99
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	99
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	103
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	103
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	103
XIII. PHỤ LỤC:	105

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 11/10/2021	26
Bảng số 2: Cơ cấu sản lượng sản phẩm tiêu thụ	33
Bảng số 3: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty qua các năm	33
Bảng số 4: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm.....	35
Bảng số 5: Nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2020	37
Bảng số 6: Một số đối tác cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty	38
Bảng số 7: Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty	39
Bảng số 8: Tình hình tài sản cố định Công ty	40
Bảng số 9: Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng	41
Bảng số 10: Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty	41
Bảng số 11: Cơ cấu Doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty	42
Bảng số 12: Các Hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2019, 2020 và đến thời điểm hiện tại.....	47
Bảng số 13: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2019, 2020 và đến thời điểm hiện tại	52
Bảng số 14: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày năm 2019, năm 2020, và 9 tháng năm 2021	59
Bảng số 15: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty	65
Bảng số 16: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty	68
Bảng số 17: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty.....	68
Bảng số 18: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty	69
Bảng số 19: Mức lương bình quân của người lao động SVD qua các năm	69
Bảng số 20: Số dư các khoản phải thu Công ty	70
Bảng số 21: Các khoản phải trả Công ty.....	71
Bảng số 22: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty	72
Bảng số 23: Tình hình công nợ của Công ty	73
Bảng số 23: Số dư hàng tồn kho của Công ty	73
Bảng số 24: Chỉ tiêu tài chính của Công ty.....	74
Bảng số 25: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty	76

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Mai Anh Tuấn - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Vũ Tuấn Phương - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Khánh Linh - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Văn Bộ** - Chức vụ: Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính doanh nghiệp

(Theo Giấy ủy quyền số 01/2021/GUQ-IRS ngày 12/08/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 74/2021/TVPH/IRS-SVD ngày 27 tháng 09 năm 2021 với Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng. Phạm vi công việc tư vấn bao gồm nội dung hướng dẫn Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng lập hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng theo đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và các văn bản liên quan. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái, vv... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng nói riêng. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của các loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp khắc phục mức độ ảnh hưởng của các rủi ro kinh tế đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành của doanh nghiệp.

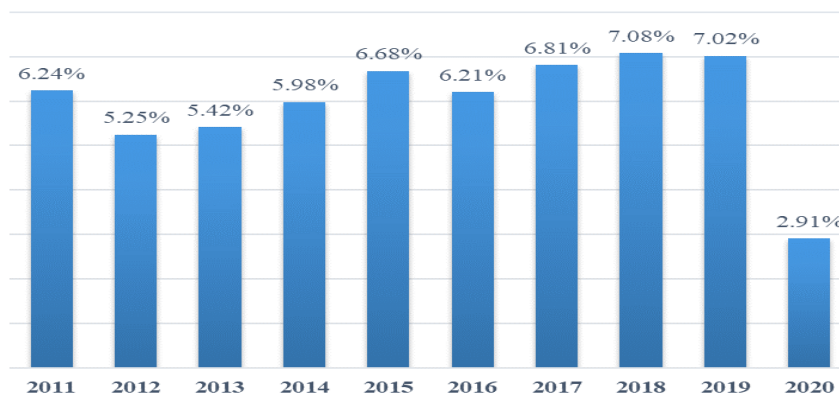
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) là nhân tố quan trọng, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới với

mức tăng trưởng lần lượt là 6,68% trong năm 2015; 6,21% trong năm 2016; 6,81% trong năm 2017. Đặc biệt, GDP năm 2018 của Việt Nam đã tăng 7,08%, đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%.

Trong những năm gần đây, Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP đạt 2,91%. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2020, tăng trưởng kinh tế cho thấy sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, phụ thuộc vào diễn biến dịch bệnh với quý I tăng 3,68%, quý II tăng 0,39%, quý III tăng 2,69%, quý IV tăng 4,48%. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,69%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,60%, khu vực dịch vụ tăng 4,29%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,07% so với cùng kỳ năm trước.

Bước sang năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu, nhiều nước đối mặt với làn sóng dịch bệnh mới, kinh tế thế giới được dự báo sẽ phục hồi với tốc độ tăng trưởng khá nhưng vẫn sẽ còn phải đối mặt với nhiều rủi ro.

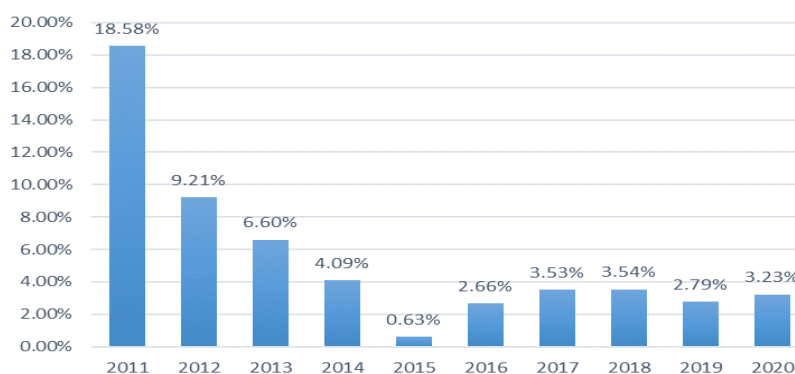
Theo Tổng cục Thống kê công bố, khi dịch Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, GDP 9 tháng đầu năm 2021 được ghi nhận tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%. Tuy nhiên, theo Ngân hàng Thế giới (WB) nhận định, nếu kiểm soát lây nhiễm Covid-19 thành công vào cuối Quý III, tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ có thể đạt khoảng 4,8% trong năm 2021 và phục hồi về tốc độ tăng trưởng GDP trước đại dịch ở mức 6,5-7% từ năm 2022 trở đi.

Những diễn biến chung của nền kinh tế, cũng như ngành, lĩnh vực hoạt động luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế. Khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp và ngược lại sẽ là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi, kết quả kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp, thương mại trong nước và quốc tế. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Công ty. Từ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

1.2. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo số liệu được công bố trong những năm gần đây, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đang được kiểm soát ở mức ổn định.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2020



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Năm 2019, lạm phát Việt Nam ở mức thấp nhất trong giai đoạn 3 năm từ 2017-2019. Lạm phát được kiểm soát trong năm 2019 chủ yếu là nhờ giá hàng hóa thế giới giảm, chính sách tín dụng thận trọng, tỷ giá ổn định và giá dịch vụ y tế không tăng nhiều. Đến năm 2020, việc nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19 và giá thịt lợn tăng cao, đã khiến việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu dưới 4% của Quốc hội đặt ra gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo, điều hành sát sao từ Chính phủ (triển khai các gói hỗ trợ cho người dân, giảm giá tiền điện, giá cước vận tải,...), Việt Nam đã đạt mục tiêu đề ra khi CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019. Theo Tổng cục Thống kê, CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019 và là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020; CPI quý III/2021 tăng 0,93% so với quý trước và tăng 2,51% so với cùng kỳ năm 2020; CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2021 tăng 1,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2020, đây là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016, phần lớn là do nhu cầu tiêu dùng và đi lại trong nước yếu từ tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19.

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty kinh doanh sản xuất sợi thông qua các chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do giá nguyên vật liệu, chi phí điện nước, chi phí nhân công,... Với những diễn biến khó lường của kinh tế thế giới trong năm 2021, nền kinh tế vẫn còn

phải đối mặt với những nguy cơ bất ổn và lạm phát có thể quay trở lại bất cứ lúc nào. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng quan tâm và theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.

1.3. Lãi suất

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng chính sách tiền tệ mang xu hướng nới lỏng có kiểm soát, nhằm tránh những hệ lụy về sau như nợ xấu và bong bóng giá tài sản như giai đoạn 2009 - 2011. Cụ thể, để đối phó với dịch Covid-19 và kích cầu tín dụng, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) quyết định hạ lãi suất điều hành 3 lần liên tiếp vào tháng 3, tháng 5 và tháng 10 với tổng mức giảm là 150 điểm cơ bản đối với lãi suất tái cấp vốn, cũng như hạ trần lãi suất huy động dưới 06 tháng từ 80 - 100 điểm cơ bản. Bên cạnh đó, NHNN hoãn siết tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn thêm 01 năm để cho các ngân hàng không bị chịu áp lực cơ cấu lại nguồn vốn trong bối cảnh các Ngân hàng Thương mại (NHTM) phải hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn về mặt thanh khoản, thông qua việc giảm lãi suất cho vay, giãn nợ và cơ cấu lại nợ. Do đó, lãi suất trên thị trường tương đối ổn định trong năm 2020. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm đối với ngắn hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn, giảm bình quân khoảng 0,6-0,8%/năm so với mặt bằng chung năm 2019. Mặt bằng chung lãi suất cho vay giảm có tác động tích cực tới kết quả kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

Năm 2021, dự báo kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi nhanh, đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao, theo đó nhu cầu về vốn cho nền kinh tế sẽ tăng, kéo theo mặt bằng lãi suất có thể sẽ nhích dần lên tuy nhiên sẽ vẫn duy trì ở mức thấp, qua đó hỗ trợ tích cực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo ổn định hoạt động của các thị trường tiền tệ, ngoại hối.

Tại ngày 30/09/2021, tổng dư nợ vay của CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng là 236,37 tỷ đồng (chiếm khoảng 59,55% tổng giá trị tài sản), phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Trong đó, dư nợ vay ngắn hạn khoảng 104,65 tỷ đồng, chi phí lãi vay 9 tháng năm 2021 khoảng 13,53 tỷ đồng. Do vậy, việc biến động của lãi suất cũng có sự ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lãi suất (cho vay) ngân hàng là một trong những biến số quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh của Công ty. Việc mặt bằng lãi suất đang được điều hành theo hướng ổn định và giảm dần có tác động tích cực tới Công ty theo hướng tiết giảm chi phí tài chính. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động tìm kiếm các nguồn vay mới với lãi suất hợp lý cũng như theo dõi chặt chẽ biến động của lãi suất để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch dòng tiền phù hợp, đảm bảo giảm thiểu tối đa các rủi ro về lãi suất. Năm 2019, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ lên 129 tỷ đồng, giảm bớt phụ thuộc vào các nguồn vốn vay từ ngân hàng.

1.4. Tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp. Các năm gần đây, biến động của tỷ giá trong nước dao động quanh mức 1-2% và đều không có sự biến động mạnh trong khoảng thời gian ngắn. Trong năm 2020, tỷ giá VND/USD xuất hiện 2 đợt biến động mạnh vào tuần cuối của tháng 3. Tuy nhiên, bước sang tháng 4, tỷ giá đã quay trở lại trạng thái ổn định với xu hướng giảm trong Quý II, III và Quý IV, nguyên nhân một phần là do Ngân hàng Nhà nước đã tích cực mua vào USD để tăng dự trữ ngoại hối. Nhìn chung, mặc dù tỷ giá các đồng tiền trên thế giới đều có sự biến động mạnh năm 2020 do chịu tác động lớn từ dịch bệnh Covid-19, thì tỷ giá USD/VND khá ổn định. Bước sang năm 2021, với việc điều hành tỷ giá linh hoạt, chú trọng ổn định vĩ mô của NHNN, tỷ giá được nhận định là sẽ dao động ổn định, trong biên độ hẹp khoảng +/-0,5%.

Thực tế, hoạt động kinh doanh của CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng có một phần liên quan đến việc xuất nhập khẩu, do đó, việc tỷ giá biến động có thể tác động trực tiếp lên chi phí đầu ra của Công ty. Cùng với đó, theo số liệu tại BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập Quý 3 năm 2021, doanh thu xuất khẩu chiếm đến 58% và 60% tổng doanh thu của Công ty.

Vì vậy, để giảm thiểu tối đa các rủi ro về biến động tỷ giá, Công ty luôn cố gắng chủ động ổn định nguồn ngoại tệ, đảm bảo cân bằng thanh toán. Ngoài ra, để hạn chế ảnh hưởng và rủi ro biến động tỷ giá đến lợi nhuận, Công ty đã đề ra kế hoạch tăng cường việc xuất khẩu hàng hóa, thu nhiều ngoại tệ hơn để cân đối nguồn ngoại tệ chi ra.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Đặc biệt, các quy định về thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí của Công ty.

Ngoài ra, Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện nay của Công ty, các quy định về xuất nhập khẩu, cũng như những quy định và chính sách của nước nhập khẩu sản phẩm của Công ty. Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách. Đồng thời, nghiên cứu các quy định, chính sách về nhập khẩu của các nước mà Công ty có thị trường xuất khẩu để nhằm hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý trong giao dịch.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm. Tuy nhiên, bông là sản phẩm nông nghiệp nên chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc vào vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi... Trong khi đó, sản lượng sản xuất bông hiện nay của Việt Nam là thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành dệt may. Nguồn nguyên liệu của ngành chủ yếu vẫn phải nhập khẩu, kéo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành cũng như Công ty phụ thuộc nhiều vào thị trường cung cấp nguồn nguyên liệu của nước ngoài. Theo báo cáo tổng kết của Hiệp hội Bông sợi Việt Nam (VCOSA) có nhấn mạnh việc doanh nghiệp ngành bông và kéo sợi Việt cũng chịu ảnh hưởng đáng kể do giá bông nguyên liệu đầu vào tăng cao trước diễn biến khó lường của dịch Covid-19. Giá trung bình bông nhập khẩu vào Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021 ở mức 1.800 USD/tấn, tăng 13,5% về lượng, 26,5% về trị giá và 11,4% về đơn giá so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, khối lượng bông nhập khẩu vào Việt Nam đạt khoảng 886 nghìn tấn, trị giá 1.596 triệu USD. Sản lượng nhập khẩu của các công ty FDI như Texhong, Brotex, Kyungbang, Tainan, Huaifu thường xuyên duy trì trên mức 50% tổng sản lượng nhập khẩu bông của Việt Nam. Mỹ vẫn là nước dẫn đầu xuất khẩu bông vào Việt Nam, tiếp theo là Brazil và Ấn Độ. Sunray, Bros, Paul Reinhart, Louis Dreyfus, Olam, Viterra là những nhà cung cấp lớn, chiếm trên 50% sản lượng bông nhập khẩu của Việt Nam.

Để giảm thiểu rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động tìm kiếm, mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào. Nhà cung cấp của Công ty đều là các đơn vị cung cấp bông uy tín trên thị trường, đảm bảo nguồn nguyên liệu cả về chất lượng lẫn số lượng. Ngoài ra, Công ty cũng chủ động điều chỉnh giá bán theo sự biến động của giá nguyên vật liệu tại từng thời điểm khác nhau, đảm bảo sự biến động giá của nguyên vật liệu không gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Rủi ro cạnh tranh là rủi ro mất khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít các quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hong Kong), Kuynng Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà các doanh nghiệp lớn trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam,... cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra. Vì vậy, tình hình cạnh tranh về giá bán ngày càng gay gắt. Việc các Hiệp định thương mại tự do được ký kết và có hiệu lực không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may do họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới (cả trong nước và nước ngoài) thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi từ các Hiệp định này.

Để duy trì được năng lực cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành không chỉ ở trong nước

mà còn ở toàn cầu, chiến lược của Công ty là cung cấp sản phẩm chất lượng tốt nhất với mức giá cạnh tranh và dịch vụ hậu mãi tốt. Công ty đã thực hiện đầu tư máy móc hiện đại, đào tạo đội ngũ lao động lành nghề và áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chất lượng cũng như chi phí.

3.3. Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Trung Quốc hiện là thị trường xuất khẩu sợi lớn nhất của Việt Nam. Trong 2 tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã khiến các nhà máy dệt tại Trung Quốc phải ngưng hoạt động, từ đó giảm nhu cầu nhập khẩu sợi từ Việt Nam. Theo Tổng Cục Thống kê, năm 2020, ngành sợi và các ngành liên quan cùng chung trong chuỗi giá trị như ngành dệt may, giày dép, túi xách, sản xuất trang phục là những ngành chịu tác động tiêu cực và kéo dài nhất của dịch Covid-19. Chỉ số IIP ngành dệt giảm 0,5%; ngành sản xuất trang phục giảm 4,9% do đại dịch Covid-19 làm đứt gãy nguồn cung nguyên liệu, thu hẹp thị trường tiêu thụ các sản phẩm may mặc, nhu cầu sản phẩm dệt may giảm sút mạnh khi người tiêu dùng trên thế giới chỉ quan tâm đến đồ dùng thiết yếu và phòng chống dịch. Mặc dù dịch bệnh làm tăng nhu cầu các sản phẩm bảo hộ, sản phẩm y tế khẩu trang (cả nội địa và nước ngoài), tuy nhiên những ngành này vẫn cần phải tìm cách tồn tại, phát triển phù hợp với bối cảnh mới. Tuy nhiên, sang năm 2021, theo báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của ngành bông sợi của Hiệp hội Bông sợi Việt Nam (VCOSA), lượng sợi, dệt xuất khẩu đã có nhiều điểm sáng, cụ thể, tính chung 5 tháng đầu năm 2021, lượng xơ, sợi dệt các loại Việt Nam xuất khẩu đạt hơn 814.400 tấn, tăng 35,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trị giá đạt hơn 2,15 tỷ USD, tăng 59,3% so với cùng kỳ năm trước.

Trong báo cáo mới nhất của Bộ Nông Nghiệp Mỹ, sản lượng toàn cầu dự kiến trong vụ 2021/22 được điều chỉnh giảm nhẹ 0,1 triệu tấn bông và lượng tiêu thụ toàn cầu được điều chỉnh tăng nhẹ 0,3 triệu tấn. Những điều chỉnh cung cầu đã làm cho lượng tồn kho cuối kỳ vụ 2021/22 giảm 0,4 triệu tấn, còn 19,4 triệu tấn. Đối với thị trường Trung Quốc, sự thay đổi vụ 2021/22 đáng kể nhất với sản lượng giảm 0,4 triệu tấn và tiêu thụ tăng 0,2 triệu tấn. Sở dĩ có sự thay đổi này là do tình hình thời tiết xấu ở Tân Cương đã làm giảm năng suất gieo trồng bông, trong khi đó Trung Quốc lại đang tăng công suất sản xuất hàng dệt may nhằm đón đầu kinh tế thế giới hồi phục nhờ tiêm chủng vắc xin Covid-19 trên diện rộng. Tuy nhiên, Trung Quốc hiện vẫn chưa có ý định tăng cường nhập khẩu bông khi mà vẫn duy trì hạn ngạch nhập khẩu ở mức thấp trong năm 2021. Các sản phẩm sợi của Công ty được xuất sang Trung Quốc chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất vải tại quốc gia này để xuất khẩu sang châu Mỹ và châu Âu. Vì vậy, khi các quốc gia này cắt giảm hoặc hoãn đơn hàng gây ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường xuất khẩu vải của Trung Quốc và gây ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động xuất khẩu sợi của Công ty.

Như vậy, với việc phần lớn sợi sản xuất phục vụ việc xuất khẩu của Công ty được phân phối tại thị trường Trung Quốc thì bất cứ biến động nào của nền kinh tế Trung Quốc cũng gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro từ việc xuất sợi sang thị trường Trung Quốc, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm kiếm các đối tác tại các thị trường như Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản... để phục vụ việc xuất khẩu. Đặc biệt, thị trường xuất khẩu khăn sang Nhật Bản của Công ty đang được đánh giá có tiềm năng phát triển tương đối lớn và được chú trọng đẩy mạnh trong thời gian tới.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (chào bán cho cổ đông hiện hữu) tăng vốn điều lệ của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng. Bên cạnh đó, đợt chào bán này không được bảo lãnh bởi tổ chức bảo lãnh phát hành, nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được cổ đông đăng ký mua hết, các cổ đông ngại rủi ro sẽ không thực hiện quyền mua cổ phiếu, Công ty không huy động đủ số vốn như dự kiến để bổ sung vốn lưu động cũng như chi trả các khoản nợ đến hạn. Trường hợp số cổ phần chào bán còn dư do cổ đông không thực hiện quyền (nếu có), Hội đồng quản trị thực hiện việc phân phối, chào bán tiếp cho các nhà đầu tư khác với giá phát hành không thấp hơn mức giá phát hành cho các cổ đông hiện hữu để đảm bảo phân phối được hết toàn bộ số cổ phiếu phát hành và theo nguyên tắc tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Trường hợp không huy động đủ số vốn từ đợt chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc sẽ cân đối và bổ sung bằng các nguồn vốn khác: vốn vay ngân hàng, nguồn vốn từ kinh doanh, vốn huy động khác để đảm bảo đủ nguồn tài trợ cho việc bổ sung vốn lưu động, mua máy móc thiết bị.... Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán trong đợt này là 12.900.000 cổ phiếu, tương đương 100% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty trên thị trường, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Rủi ro pha loãng cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

a) Pha loãng về thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS):

Khi Công ty phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể bị giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó, EPS được xác định như sau:

Công thức tính:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}^1}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

$$\text{Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X \times 12 + Y \times T}{12}$$

¹ Công ty không có cổ phần ưu đãi.

Trong đó:

X: Khối lượng cổ phiếu trước khi phát hành

Y: Khối lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng

T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng (tháng)

Giả định Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021 là 5.500.000.000 đồng và Công ty chào bán thành công cổ phiếu, dự kiến toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán thêm chính thức lưu hành vào cuối tháng 12 năm 2021, sự thay đổi EPS của cổ phiếu như sau:

	Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm (đồng)	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất dự kiến năm 2021 (đồng)	EPS năm 2021 (đồng/cổ phiếu)
Trước khi chào bán	12.900.000	5.500.000.000	426
Sau khi chào bán (dự kiến)	25.800.000	5.500.000.000	213

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2021. Sau khi chào bán 12.900.000 cổ phiếu, EPS dự kiến năm 2021 có thể bị pha loãng từ 426 đồng/cổ phiếu giảm xuống 213 đồng/cổ phiếu.

b) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV):

Công thức tính:

BV =	Nguồn vốn chủ sở hữu
	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu có thể sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31/12/2020, giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán là 11.203 đồng/cổ phiếu. Giá chào bán cổ phiếu dự kiến này là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ giảm.

c) Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu SVD trên thị trường

Cổ phiếu của Công ty đang được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp giá thị trường thấp hơn giá chào bán, giá giao dịch cổ phiếu sẽ không bị điều chỉnh kỹ thuật theo tỷ lệ chào bán. Trong trường hợp giá thị trường lớn hơn giá chào bán, giá giao dịch của cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật theo tỷ lệ chào bán và giá chào bán tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (“ngày giao dịch không hưởng quyền”). Giá của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá cổ phiếu SVD (điều chỉnh)} = \frac{\text{PR}(t-1) + (i \times \text{PR})}{(1 + i)}$$

Trong đó:

$PR(t-1)$: giá giao dịch của cổ phiếu Công ty ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền

i : Tỷ lệ vốn tăng

PR : Giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ: Giả sử giá giao dịch của cổ phiếu SVD tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 11.000 đồng/cổ phiếu. Theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu bán thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó, tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu là 1:1, tương ứng tỷ lệ phát hành thêm là 100%, giá cổ phiếu SVD sẽ bị pha loãng như sau:

Giá tham chiếu điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được tính bằng

$$\text{Giá điều chỉnh} = \frac{11.000 + (100\% \times 10.000)}{1 + 100\%} = 10.500 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trường hợp giá cổ phiếu của SVD tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn giá chào bán sẽ không làm điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường.

d) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết:

- Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm đi một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán).

- Giả sử, đối với cổ đông A có 500.000 cổ phiếu. Trường hợp cổ đông A không đăng ký mua cổ phiếu được phân phối, tỷ lệ biểu quyết của cổ đông A bị pha loãng như sau:

+ Trước khi chào bán: tỷ lệ biểu quyết là $500.000/12.900.000 = 3,88\%$

+ Sau khi chào bán: tỷ lệ biểu quyết là $500.000/25.800.000 = 1,94\%$

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị Công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Rủi ro quản trị Công ty có thể xuất phát từ năng lực quản trị yếu kém, biến động thị trường, thay đổi văn bản luật, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị tài chính, năng suất lao động.... Trường hợp, Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các nhóm cổ đông Công ty, giữa các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các bên liên quan, quan hệ của cổ đông với Công ty... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động Công ty, quyền lợi của cổ đông, người lao động.

Việc Công ty chào bán 12.900.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán 129 tỷ đồng (thực thu từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu), trường

hợp HĐQT, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Việc phát hành cổ phiếu, huy động thêm vốn cũng tạo áp lực về Doanh thu, Lợi nhuận, Cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn... khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa theo kịp.

Để khắc phục rủi ro về quản trị, Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của HĐQT, Ban điều hành nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông làm cầu nối giữa cổ đông và Công ty. Đồng thời, Công ty cũng ký kết hợp đồng với các đơn vị tư vấn nhằm hỗ trợ Công ty trong công tác quản trị, quan hệ nhà đầu tư (IR), tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu có gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

Năm 2020 là năm nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế trong nước nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề từ rủi ro dịch bệnh. Dịch bệnh Covid-19 được dự báo sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong những năm tiếp theo. Hậu quả dẫn đến khủng hoảng thị trường lao động, các ngành hàng dịch vụ, thương mại toàn cầu đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy.... Dịch bệnh diễn biến phức tạp cũng đã ảnh hưởng đến các đơn hàng xuất khẩu của Công ty ngày từ những tháng đầu năm 2020.

Trong bối cảnh chung, Công ty cũng đã áp dụng linh hoạt các hình thức làm việc, tổ chức lại hoạt động sản xuất cho phù hợp với các quy định của Chính phủ cũng như diễn biến của dịch.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

BKS	: Ban kiểm soát
CTCP	: Công ty cổ phần
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
DN	: Doanh nghiệp
DNNN	: Doanh nghiệp nhà nước
DTT	: Doanh thu thuần

ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ công ty	: Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
ĐKDN	: Đăng ký doanh nghiệp
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HOSE/HSX	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
HĐ	: Hợp đồng
IRS/ Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia
KH&ĐT	: Kế hoạch và Đầu tư
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
MG	: Mệnh giá
NSNN	: Ngân sách nhà nước
SVD/ Công ty/ Tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế GTGT	: Thuế giá trị gia tăng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBCKNN	: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
USD	: Đô la Mỹ
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
VĐL	: Vốn điều lệ
VND	: Đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG**
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : VU DANG INVESTMENT & TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Tên công ty viết tắt : VUDANG.,JSC
- Địa chỉ trụ sở chính : Cụm công nghiệp Đông Phong, Xã Đông Quan, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
- Số điện thoại : 02276262669
- Logo :



- Website : <https://www.vudang.vn/>
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0600986828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 05/04/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/10/2021
- Vốn điều lệ : 129.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ đồng*)
- Mã cổ phiếu : SVD
- Sàn niêm yết : HOSE
- Người đại diện theo pháp luật : **Ông Vũ Tuấn Phương - Tổng Giám đốc**
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) - Mã ngành 1392

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng được thành lập ngày 05/4/2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600986828 do Sở KH&ĐT tỉnh Nam Định cấp với vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng.

Ngày 11/04/2018, Công ty nhận được Giấy phép xây dựng số 29/2018/GPXD và Giấy phép xây dựng số 13/2019/GPXD của Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình chấp thuận cho Công ty thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Phong (nay là xã Đông Quan), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Ngày 19/12/2019, Công ty nhận được Quyết định số 3770/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Phong, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, nâng công suất thiết kế lên 9.438 tấn/năm, tăng 2,75 lần so với công suất ban đầu. Đến nay, dự án đã hoàn tất công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đi vào hoạt động.

Đến nay, sau 3 lần phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, Công ty đã đạt quy mô vốn điều lệ 129 tỷ đồng. Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lần 1 từ 5 tỷ lên 35 năm 2018, lần 2 từ 35 tỷ lên 52 tỷ đồng năm 2019, lần 3 từ 52 tỷ lên 129 tỷ năm 2020.

Ngày 24/4/2020, Công ty nhận được công văn thông báo của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 2776/UBCK-GSĐC ngày 24/4/2020.

Ngày 05/05/2020, Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2020/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là SVD, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký là 12.900.000 cổ phiếu.

Ngày 23/12/2020, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 850/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu SVD. Tại thời điểm niêm yết cổ phiếu vốn điều lệ của công ty là 129.000.000.000 đồng.

3. Tầm nhìn - Sứ mệnh

3.1. Tầm nhìn

Sợi Vũ Đăng định hướng phát triển và khát vọng trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng đầu Việt Nam và thế giới trong ngành sợi dệt.

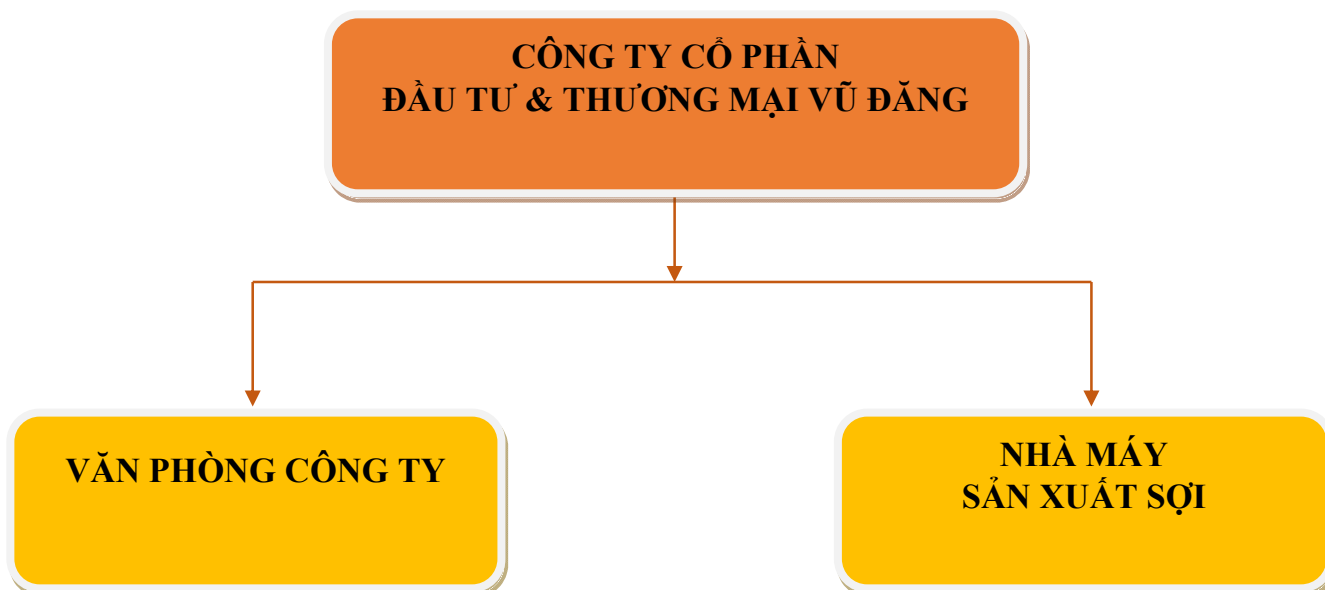
3.2. Sứ mệnh

“KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM VIỆT TRÊN TRƯỜNG QUỐC TẾ”.

4. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp năm 2020). Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng hoạt động gồm Văn phòng Công ty và 01 Nhà máy sản xuất sợi. Cơ sở quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty thời điểm 30/09/2021



(Nguồn: SVD)

❖ Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng tại địa chỉ: Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

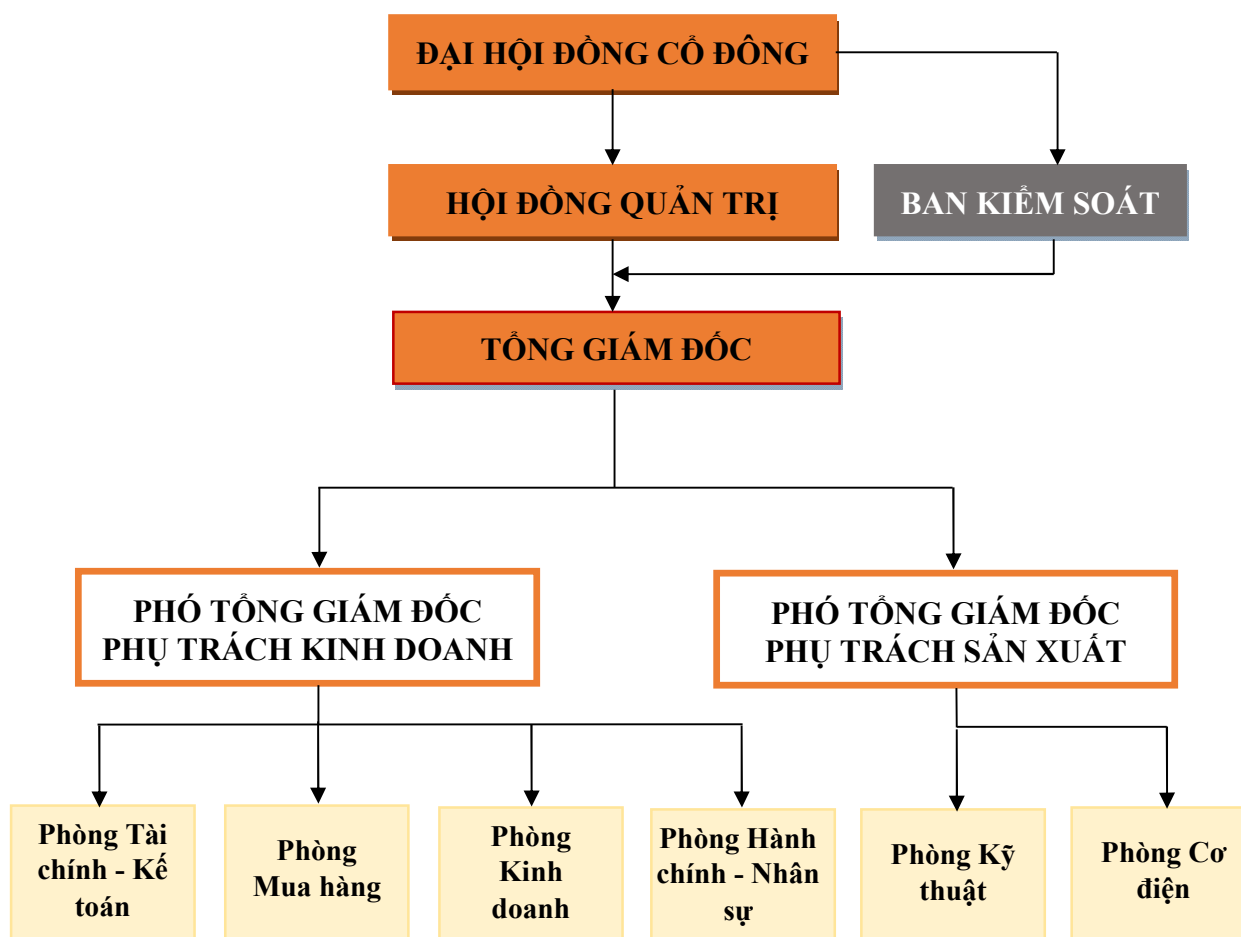
❖ Nhà máy sản xuất sợi tại địa chỉ: Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Công ty hiện đang quản lý và khai thác 01 nhà máy tại địa chỉ cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, với diện tích khoảng 19.985,4 m². Nhà máy sản xuất sợi hiện áp dụng công nghệ sản xuất kéo sợi đóng mở (open - end) hay còn gọi là phương pháp rotor. Quy trình sản xuất gồm 4 công đoạn: xử lý bông - chải thô - ghép - kéo sợi. Các máy móc sử dụng tại nhà máy đều được nhập khẩu từ Thụy Sĩ, Đài Loan, Hàn Quốc... Với khoảng 6.624 roto, Công ty có năng lực sản xuất lên đến 7.721 tấn sợi/năm.

5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định khác có liên quan. Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Sơ đồ số 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty tại thời điểm 30/09/2021



(Nguồn: SVD)

5.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có nhiệm vụ thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền

của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT là 05 (năm) năm.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hiện nay, Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên như sau:

- | | |
|----------------------|-----------------------------------|
| - Ông Mai Anh Tuấn | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Vũ Tuấn Phương | - Thành viên HĐQT điều hành |
| - Bà Hoàng Thu Hương | - Thành viên HĐQT không điều hành |
| - Ông Vũ Anh Lương | - Thành viên HĐQT không điều hành |
| - Bà Nguyễn Thị Mai | - Thành viên HĐQT độc lập |

5.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

Hiện nay, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên như sau:

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| - Bà Đoàn Thị Vui | - Trưởng Ban kiểm soát |
| - Bà Phạm Thị Phương | - Thành viên Ban kiểm soát |
| - Ông Bùi Đình Tiệp | - Thành viên Ban kiểm soát |

5.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty tuân theo Điều lệ, các quy định của Công ty, theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

Hiện nay, Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Công ty bao gồm:

- | | |
|----------------------|------------------------------------|
| - Ông Vũ Tuấn Phương | - Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT |
| - Ông Mai Anh Tuấn | - Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Vũ Hoàng Nam | - Phó Tổng Giám đốc |

5.5. Các Phòng, Ban chức năng

a) Phòng Tài chính - Kế toán

- Thực hiện chế độ kế toán, hạch toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

- Chuẩn bị tài chính, thống kê và quản lý tài chính;
- Thực hiện phân tích thông tin, tính toán và phân tích các chỉ số tài chính, so sánh các thông tin và các chỉ số giữa các kỳ;
- Đánh giá hiệu quả đầu tư kinh doanh của Công ty;
- Quản lý kho hàng của Công ty.

b) Phòng Mua hàng

- Bảo đảm cung cấp vật tư, nguyên liệu, thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất. Thực hiện đàm phán với các nhà cung cấp dịch vụ, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sử dụng của các phòng ban trong Công ty;
- Chịu trách nhiệm về tiến độ mua hàng hóa, đáp ứng đúng theo tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng, số lượng, quy cách, chủng loại với giá cả phù hợp và chứng từ thanh toán đầy đủ, hợp lệ theo quy định;
- Phối hợp với các bộ phận liên quan để xây dựng kế hoạch đặt hàng, kế hoạch giao hàng đảm bảo an toàn tồn kho, đáp ứng sản xuất, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả;
- Xây dựng mạng lưới nhà cung cấp, theo dõi đánh giá năng lực nhà cung cấp, giúp Công ty có được mạng lưới nhà cung cấp ổn định về chất lượng, đảm bảo số lượng, thời gian và giá cả tốt nhất.

c) Phòng Kinh doanh

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh theo tháng, quý năm và triển khai thực hiện;
- Xây dựng và phát triển mạng lưới khách hàng, thực hiện đàm phán giao dịch bán hàng;
- Theo dõi đơn hàng, tiến độ thanh toán của khách hàng;
- Tìm hiểu nhu cầu, giá cả, tiềm năng của thị trường và thị phần hiện hữu của Công ty; đánh giá nhu cầu của khách hàng và tìm hiểu quy luật cung cầu theo mùa vụ đối với sản phẩm mà công ty đang kinh doanh, từ đó dự báo hướng phát triển giúp Công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp;
- Tổ chức các chương trình giới thiệu, quảng bá dịch vụ, các chương trình khuyến mại;
- Thống kê, lưu trữ hồ sơ và thông tin khách hàng;
- Giải đáp các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

d) Phòng Hành chính - Nhân sự

- Tham mưu Ban Lãnh đạo về cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị nguồn nhân lực và các chính sách liên quan đến người lao động, đảm bảo cơ sở vật chất và môi trường làm việc cho cán bộ nhân viên trong toàn Công ty;
- Tham mưu Ban lãnh đạo về các hệ thống văn bản pháp luật hiện hành;
- Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược tuyển dụng, sử dụng, đào tạo và phát triển nhân sự;
- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá năng lực nhân sự, thực hiện đánh giá năng lực

nhân sự, hiệu quả công việc của cán bộ nhân viên Công ty;

- Lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc chức năng nhiệm vụ của phòng;
- Quản lý và thực hiện công tác hành chính;

- Đảm bảo các điều kiện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và sức khỏe của người lao động trong Công ty.

e) Phòng Kỹ thuật

- Kiểm soát kỹ thuật vận hành máy móc thiết bị tại các nhà máy;
- Kiểm soát lịch bảo trì các thiết bị trong nhà máy;
- Quản lý hệ thống thiết bị điện máy cung cấp điện cho Công ty;

- Xác nhận thông số kỹ thuật liên quan tới nhu cầu vật tư phụ tùng; kiểm soát tiến độ cung cấp vật tư phụ tùng.

f) Phòng Cơ điện

- Giám sát và kiểm tra tình hình hoạt động của toàn bộ các thiết bị thuộc phạm vi nhà máy;

- Thu thập thông tin về tình trạng hoạt động của các hệ thống, cập nhật các sự cố, hư hỏng của các thiết bị; phối hợp cùng Phòng Kỹ thuật để xác định nguyên nhân hư hỏng và đề xuất phương án xử lý, khắc phục;

- Lập kế hoạch thay thế sửa chữa, các hạng mục cần dự phòng để đảm bảo thay thế kịp thời khi có sự cố hỏng hóc của các chi tiết máy;

- Tham mưu Ban Lãnh đạo quyết định việc sửa chữa, thay thế và nâng cấp các thiết bị trong nhà máy.

6. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

6.1. Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Không có.

6.2. Danh sách công ty con, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Không có.

6.3. Danh sách công ty liên kết của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Không có.

7. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

7.1. Thống kê quá trình thay đổi vốn

STT	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn ĐL sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý Đơn vị cấp
Tháng 04/2013	-	5.000	Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm thành lập doanh nghiệp Mệnh giá CP: 100.000 đồng/ CP	- Giấy phép đăng kí kinh doanh số 0600986828 do Sở KH&ĐT tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 05/04/2013.
Lần 1: Tháng 04/2018	30.000	35.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 31.08.2017/NQ ĐHĐCĐ ngày 31/08/2017 - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0600986828 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 27/12/2017.
Lần 2: Tháng 03/2019	17.000	52.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05.01.2018/NQ ĐHĐCĐ ngày 05/01/2018 - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0600986828 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 19/04/2019.
Lần 3: Tháng 12/2019	77.000	129.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 29.03.2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2019 - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0600986828 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 25/12/2019.

(Nguồn: SVD)

7.2. Thông tin về các đợt tăng vốn của Công ty:**a) Tăng vốn lần 1:**

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 31.08.2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/08/2017, Công ty đã thực hiện phát hành 300.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

- Vốn điều lệ của Công ty trước phát hành: 5.000.000.000 đồng
- Thời điểm phát hành: Tháng 09/2017
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 19/04/2018
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 300.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Sau đợt phát hành lần 1, vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng.
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình
- Căn cứ văn bản 690/SKHĐT-ĐKKD ngày 08/04/2020 của Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình về việc giải trình hồ sơ thay đổi vốn của Công ty, theo đó, Sở Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi (27/12/2017) trước khi cổ đông hoàn thành việc góp vốn do Công ty kê khai không chính xác ngày hoàn thành tăng vốn. Ngày 19/04/2018, các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn, do đó, đến năm thời điểm ban hành văn bản 690/SKHĐT-ĐKKD là đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đối với nội dung nêu trên của Công ty.

b) Tăng vốn lần 2:

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 05.01.2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/01/2018, Công ty đã thực hiện phát hành 170.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Vốn điều lệ của Công ty trước phát hành: 35.000.000.000 đồng
- Thời điểm phát hành: Tháng 04/2018
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 01/03/2019
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 170.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Sau đợt phát hành lần 2, vốn điều lệ của Công ty là 52.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.

c) Tăng vốn lần 3:

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 29.03.2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2019, Công ty đã thực hiện phát hành 770.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Vốn điều lệ của Công ty trước phát hành: 52.000.000.000 đồng
- Thời điểm phát hành: Tháng 04/2019
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 24/12/2019
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 770.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Sau đợt phát hành lần 3, vốn điều lệ của Công ty là 129.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu từ ngày 05/04/2013 đến ngày 31/12/2019:

“Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 60A/BCKT-TC ngày 18/02/2020 tại Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu từ ngày 05/04/2013 đến ngày 31/12/2019, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã đưa ra ý kiến như sau:

Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như biến động của Vốn đầu tư của chủ sở hữu từ ngày 05 tháng 04 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến việc Công ty đã thực hiện các thủ tục về thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ trước thời điểm các cổ đông thực hiện góp vốn điều lệ tăng thêm là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 122 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và hướng dẫn tại Điều 44 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2015^(*).”

() Do Công ty kê khai không chính xác ngày hoàn thành tăng vốn đã dẫn đến việc được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi trước khi hoàn thành việc góp vốn.*

8. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, Công ty không có các khoản góp vốn, thoái vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm thực hiện.

9. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

9.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm 11/10/2021 (ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất) của Công ty như sau:

Bảng số 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 11/10/2021

STT	Đối tượng	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	Phổ thông	1.162	12.789.100	99,14%
-	Tổ chức	Phổ thông	-	-	-
-	Cá nhân	Phổ thông	1.162	12.789.100	99,14%

STT	Đối tượng	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
2	Cổ đông nước ngoài	Phổ thông	06	110.900	0,86%
-	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	Phổ thông	01	9.200	0,07%
-	Cá nhân	Phổ thông	05	101.700	0,79%
3	Cổ phiếu quỹ	Phổ thông	-	-	-
Tổng cộng			1.168	12.900.000	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng do VSD chốt tại ngày 11/10/2021)

9.2. Cổ phiếu ưu đãi:

Không có.

9.3. Các loại chứng khoán khác:

Không có.

10. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đối với cổ đông là người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại Công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Hiện tại, Công ty có ngành nghề kinh doanh: “*Vận tải hành khách bằng đường bộ khác. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô (Mã ngành: 4932)*” thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 49% theo quy định tại:

<https://fdi.gov.vn/pages/nganhnghecap3.aspx?NganhNgheCap3ID=94>

Ngày 01/12/202, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 8042/UBCK-PTTT về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 49%.

Do đó, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông là người nước ngoài tại Công ty tối đa là: 49%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại ngày 20/12/2021 là: 1,2%.

11. Hoạt động kinh doanh

11.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

11.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ bông bao gồm: sản xuất sợi từ bông, sản xuất khăn bông..... Công ty hiện đang quản lý và khai thác 01 nhà máy sợi trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Với khoảng 6.624 roto với năng lực sản xuất lên đến 7.721 tấn sợi/năm.

Các sản phẩm của Công ty được làm từ bông thiên nhiên có đặc thù khác với các doanh nghiệp sợi tổng hợp khác. Sợi bông là loại sợi thiên nhiên có khả năng thấm hút nước rất cao (65% so với trọng lượng). Sợi bông có khuynh hướng dính bẩn và dính dầu mỡ nhưng vẫn có thể giặt sạch. Sợi bông thân thiện với da người, không gây ngứa, không gây dị ứng nên đây là nguyên liệu quan trọng trong ngành dệt may, có vai trò thiết yếu đối với đời sống hàng ngày.

Sản phẩm chính của Công ty chủ yếu là Sợi OE (open end) với các đặc điểm như sau:

- Thành phần: 100% cotton
- Công nghệ sản xuất: Áp dụng công nghệ kéo sợi đóng mở (open end)
- Yêu cầu: Sợi bông ngắn
- Chất lượng: thấp hơn so với sợi CD và sợi CM
- Đặc tính: hút ẩm tốt, chịu ma sát cao
- Sử dụng: thường sử dụng trong các lĩnh vực sản xuất vải thô vải bò, vải kaki, khăn, túi, mũ....
- Chỉ số sợi từ Ne07/1 OE đến Ne24/1 OE: được sử dụng trong các lĩnh vực: sản xuất vải thô, vải bò, vải kaki, khăn, túi, mũ...

Các sản phẩm sợi của Công ty của Công ty được phân phối tại thị trường trong nước và xuất khẩu tại một số nước như Hồng Kông, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan,... trong đó tập trung chủ yếu vào thị trường Trung Quốc.

Ngoài ra, Công ty còn sản xuất và phân phối các loại khăn 100% cotton như khăn thể thao, khăn bếp, khăn lau kính, khăn mặt, thảm... Các sản phẩm khăn đều được dệt từ sợi của Công ty nên luôn đảm bảo được độ mềm và bóng. Đối với các sản phẩm khăn ngoài được phân phối tại thị trường nội địa, Công ty đang triển khai hoạt động sản xuất khăn xuất khẩu sang Nhật. Dự kiến trong thời gian tới, Công ty sẽ tập trung phát triển thị trường khăn xuất khẩu và nghiên cứu việc sản xuất sợi từ lông cừu.

Ngoài việc phân phối các sản phẩm sợi và khăn do Nhà máy sản xuất, Công ty còn kinh doanh thương mại bông các loại cho các nhà máy, đơn vị sản xuất khác trên địa bàn tỉnh.

Sản lượng sản xuất của Nhà máy qua các năm:

Sản phẩm	Đơn vị	Sản lượng sản xuất			
		Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Năm 2021
Sợi Ne16/1 OE	kg	183.496,00	316.941,30	298.210,30	403.368,65
Sợi Ne20/1 OE	kg	1.344.600,10	380.200,38	843.020,53	1.572.638,03

Sản phẩm	Đơn vị	Sản lượng sản xuất			
		Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Năm 2021
Sợi Ne21/1 OE	kg	2.452.902,10	3.893.102,20	1.649.403,73	4.492.073,89
Khăn trắng	kg	42.647,53	42.942,15	-	
Phế bông	kg	355.250,80	482.505,10	-	
Phế chải	kg	315.972,70	502.059,00	-	
Sợi CVC 20/1	kg	-	5.000,00	16.310,90	16.310,90
Bông phế máy bông	kg	-	428.921,30	444.250,20	1.256.161,30
Bông phế máy chải	kg	-	324.251,70	330.687,00	893.519,30
Bông mui OE	kg	-	334.297,60	129.155,50	326.981,30
Sợi 8 (Ne 08/1 OE)	kg	-	312.296,30	-	
Sợi Ne 10/1 OE	kg	-	18.090,80	34.445,80	34.445,8
Tổng cộng	kg	4.694.869,23	7.040.607,83	3.745.483,96	8.995.499,17

(Nguồn: SVD)

Hình 3: Hình ảnh một số sản phẩm của Công ty



(Nguồn: SVD)

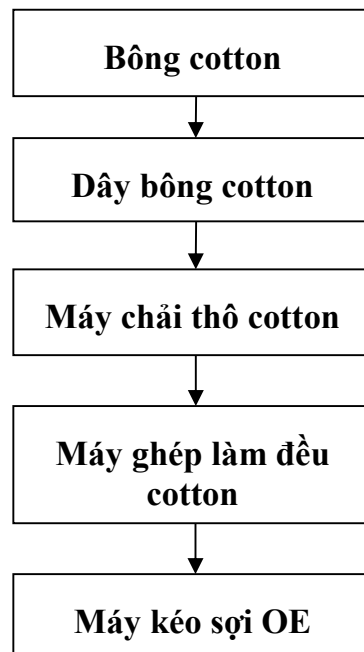
Hình 4: Hình ảnh nhà máy của Công ty



(Nguồn: SVD)

Quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng:

Sơ đồ số 3: Quy trình sản xuất Sợi OE



(Nguồn: SVD)

Quy trình sản xuất sợi OE của Công ty gồm 4 công đoạn, cụ thể như sau:

– Công đoạn 1: Công đoạn xử lý bông

Bông nguyên liệu mua về được cân đo, nhập kho. Khi tiến hành sản xuất, bông được xuất từ kho nguyên liệu sang xưởng sản xuất, các kiện bông được xếp vào khu vực máy xé kiện thành từng hàng theo thứ tự chủng loại nguyên liệu và cấp nguyên liệu. Máy xé kiện sẽ chạy trên hàng các kiện bông đã được sắp xếp, xé các kiện bông thành các miếng bông nhỏ và hút theo đường ống để cấp vào các máy của gian cung bông. Các máy của gian cung bông xử lý loại bỏ hết các tạp chất, xé nhỏ các miếng bông to thành nhỏ, loại bỏ các xơ ngắn, lọc tách các vật ngoại lai, vật lạ ra khỏi nguyên liệu và thổi sang các hòm chứa của gian máy chải.

Hình 5: Hệ thống dây cung bông



(Nguồn: SVD)

– Công đoạn 2: Công đoạn chải thô

Tại gian máy chải, các miếng bông nhỏ tiếp tục được tiếp tục xé nhỏ với mức độ mạnh hơn, tách các chùm xơ thành các xơ đơn riêng biệt, tiếp tục loại bỏ tạp chất và các xơ ngắn, phân chải, làm đều và kéo bông thành từng sợi cúi tạo ra cúi chải thô. Các cúi chải thô được xếp vào các thùng chải để thuận tiện cho công đoạn sau là công đoạn ghép.

Hình 6: Hệ thống máy chải



(Nguồn: SVD)

– Công đoạn 3: Công đoạn ghép

Tại công đoạn ghép, các thùng cúi chải thô được sắp xếp và đưa vào bộ kéo dài của máy ghép để làm đều sản phẩm, tiếp tục loại các tạp chất, bụi bẩn, các xơ được duỗi thẳng hơn và tạo thành các cúi ghép và thùng cúi. Các thùng cúi đầy được máy tự động thay, đẩy ra ngoài cho công nhân xếp vào vị trí quy định và chuyển dần sang máy OE.

Hình 7: Hệ thống máy ghép



(Nguồn: SVD)

– Công đoạn 4: Công đoạn kéo sợi

Các cúi sợi sau khi được dẫn vào hộp kéo sợi sẽ được tiếp tục loại bỏ tạp chất và hút vào rô to để hình thành sợi. Các sợi được se sẵn có định lượng theo thiết kế, quấn thành những cuộn sợi có trọng lượng theo yêu cầu của khách hàng.

Hình 8: Hệ thống máy kéo sợi OE



(Nguồn: SVD)

Các quả sợi đủ trọng lượng sẽ được công nhân đổ quả dán tem, xếp vào xe chở quả sợi. Trung bình, mỗi xe có sức chứa 184 quả sợi. Các quả sợi đã được dán tem sẽ được chuyển sang nhà đóng kiện. Tại khu vực đóng kiện, các quả sợi được bọc túi nilon sau đó đóng vào bao với số lượng 8 hoặc 16 quả/1 bao tùy theo yêu cầu của khách hàng. Các bao sẽ được khâu bằng các dây với màu khác nhau để phân biệt chủng loại sợi. Trên các bao sẽ được ghi thông tin: chủng loại sợi, ngày sản xuất và trọng lượng. Các bao sợi được cân và nhập kho thành phẩm theo từng lô, từng chỉ số để chờ xuất cho khách hàng.

Các máy móc được sử dụng tại nhà máy của Công ty đều được nhập khẩu từ Thụy Sỹ, Đài Loan, Hàn Quốc...

11.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra liên tục và không mang tính thời vụ.

11.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ của Công ty

a) Cơ cấu sản lượng sản phẩm tiêu thụ qua các năm:

Bảng số 2: Cơ cấu sản lượng sản phẩm tiêu thụ

Đơn vị tính: Kg

Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước
Sợi Ne16/1 OE	107.948	29.882	284.258	27.827	328.566	75.601
Sợi Ne20/1 OE	1.652.384	290.105	550.299	171.294	903.559	687.766
Sợi Ne21/1 OE	2.190.800	1.015	3.783.490	150	4.294.953	1.022
Sợi Ne 10/1 OE	-	-	-	9.200	366.921	1.493
Sợi Ne 08/1 OE	-	-	-	312.296	-	-
Sợi 20CVC	-	-	-	5.000	-	16.310
Khăn mặt	-	2.250	-	-	-	-
Khăn trắng	3.888	14.205	23.105	834	-	1.946
Bông phé	-	3.144.795	-	2.932	-	3.752.831
Phé phẩm	-	552.910	-	855.803	-	2.180.623
Các mặt hàng khác	-	-	-	2.109.443	-	2.005.908
Tổng cộng	3.955.020	4.035.162	4.641.152	3.494.779	5.893.999	8.723.500

(Nguồn: SVD)

b) Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận của Công ty

Bảng số 3: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
1. Doanh thu bán thành phẩm	191.687,46	70,95	209.032,50	63,27	325.484,53	74,57
– Sợi	189.957,40	70,31	206.739,71	62,58	325.309,39	74,53
– Khăn	1.730,07	0,64	2.292,79	0,69	175,14	0,04
2. Doanh thu bán hàng hóa	78.487,43	29,05	121.333,73	36,73	110.993,43	25,43
– Bông các loại	77.746,41	28,78	71.366,56	21,60	90.700,75	20,78
– Phế phẩm	741,02	0,27	2.102,37	0,64	2.261,65	0,52
- Hàng hóa	-	-	47.864,80	14,48	18.031,03	4,13
Tổng cộng	270.174,89	100,00	330.490,97	100,00	436.477,96	100,00

(Nguồn: SVD)

Năm 2020, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 330,49 tỷ đồng, tăng 22,32% so với doanh thu thuần năm 2019. Căn cứ theo lĩnh vực hoạt động, cơ cấu doanh thu thuần của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động sản xuất - doanh thu bán thành phẩm và doanh thu từ hoạt động thương mại - doanh thu bán hàng hóa. Trong đó, doanh thu thuần từ hoạt động bán thành phẩm (sợi, khăn) chiếm ưu thế với tỷ trọng trung bình là 70% tổng doanh thu thuần.

Doanh thu thuần bán thành phẩm của Công ty trong năm 2020 đạt 209,03 tỷ đồng, tăng 9,05% so với năm 2019. Trong khi đó, doanh thu thuần bán hàng hóa năm 2020 đạt 121,33 tỷ đồng, tăng mạnh 54,58% so với năm 2019. Ngoại trừ doanh thu thuần từ hoạt động bán bông các loại có sự giảm nhẹ 8,2% thì các hoạt động còn lại đều có sự tăng trưởng so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do ngay từ năm 2019, Công ty đã chủ động thực hiện tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng nhà máy, nâng công suất sản xuất của nhà máy, gia tăng sản lượng sản phẩm sản xuất (tập trung ở các sản phẩm như Sợi Ne20/1 OE, Sợi Ne21/1 OE, phế bông, phế phẩm,...), điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp đã giúp số lượng đơn hàng tăng mạnh cũng như chất lượng các sản phẩm được cải thiện rõ rệt, khối lượng tiêu thụ cũng tăng đáng kể, chủ yếu ở các sản phẩm như sợi Ne20/1 OE, sợi Ne21/1 OE ở các thị trường xuất khẩu, bông phế, phế phẩm với thị trường trong nước. Từ đó đã góp phần giúp Công ty tăng doanh thu bán thành phẩm trong năm 2019 và tạo tiền đề tiếp tục tăng trưởng trong năm 2020 mặc dù trong năm 2020, hoạt động kinh doanh, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ việc bùng phát dịch bệnh Covid-19. Trong năm 2020, Công ty đã đẩy mạnh bán hàng ở các thị trường trong nước với các sản phẩm như: sợi Ne10/1 OE, sợi Ne08/1 OE, sợi 20CVC và các mặt hàng khác như tôn, thép,... Cơ bản doanh thu từ bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn so với doanh thu từ bán hàng hóa nhưng cơ cấu doanh thu có sự dịch chuyển nhẹ sang doanh thu

bán hàng hóa. Theo đó, doanh thu bán thành phẩm và doanh thu bán hàng hóa lần lượt chiếm tỷ trọng 63,27% và 36,73% tổng doanh thu.

Năm 2021, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 436,48 tỷ đồng, tăng 32,26% so với năm trước (doanh thu năm 2020 đạt 330,37 tỷ đồng) với giá trị tăng hơn 106,11 tỷ đồng. Doanh thu thuần từ hoạt động bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 325,48 tỷ đồng, chiếm khoảng 74,57%, trong khi doanh thu bán hàng hóa chiếm khoảng 25,43%. Cũng như các năm trước, doanh thu từ bán thành phẩm sợi vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu của Công ty. Trong các tháng đầu năm 2021, do tình hình dịch bệnh trên thế giới đã được kiểm soát, Công ty đã dần kết nối lại các đơn hàng xuất khẩu một số loại hàng hóa, thành phẩm như Sợi Ne21/1 OE, Sợi Ne 10/1 OE, trong khi vẫn tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối trong nước, đặc biệt là đối với một số loại hàng hóa, thành phẩm như Sợi Ne20/1 OE, Sợi Ne20/1 OE, bông phé, phé phẩm.

Bảng số 4: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
1. Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	22.890,47	8,47	13.960,09	4,23	34.610,75	7,93
– Sợi	22.762,81	8,42	13.720,81	4,15	34.605,11	7,93
– Khăn	127,66	0,05	239,28	0,07	5,64	0,00
2. Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	2.086,42	0,07	13.523,16	4,09	7.104,88	1,63
– Bông các loại	1.996,78	0,067	2.934,99	0,89	1.380,10	0,32
– Phế phẩm	89,64	0,003	1.496,71	0,45	2.258,75	0,52
– Hàng hóa	-	-	9.091,47	2,75	3.466,03	0,79
Tổng cộng	24.976,89	9,25	27.483,25	8,32	41.715,63	9,56

(Nguồn: SVD)

Năm 2020, do tốc độ tăng của doanh thu thuần cao hơn tốc độ tăng của giá vốn hàng bán nên lợi nhuận gộp của Công ty cũng có sự tăng trưởng tương ứng, đạt khoảng 27,48 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2019. Tuy giá trị lợi nhuận gộp tăng nhưng biên lợi nhuận gộp năm 2020 của Công ty có sự giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2019. Cụ thể, biên lợi nhuận gộp năm 2020 đạt 8,32%, giảm 0,93% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, biên lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh thành phẩm của Công ty năm 2020 là 4,23%, giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019, trong khi biên lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh hàng hóa của Công ty năm 2020 là 4,09%, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do Công ty đã kịp thời điều chỉnh chính

sách bán hàng khi trên thế giới cũng như Việt Nam bùng phát dịch Covid-19, theo đó, Công ty đã triển khai kinh doanh các mặt hàng khác như tôn, thép,... và chuyển sang tập trung phân phối trong nước các loại sản phẩm mới (Sợi Ne 10/1 OE, Sợi Ne 08/1 OE, Sợi 20 CVC,...). Do đó, tuy do ảnh hưởng bởi biến động thị trường khiến biên lợi nhuận gộp năm 2020 giảm nhưng nhờ kết quả của chính sách bán hàng hợp lý nên giá trị lợi nhuận gộp của Công ty vẫn có sự tăng trưởng. Trong điều kiện khó khăn của toàn bộ nền kinh tế trong năm 2020, việc biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ trong khi giá trị lợi nhuận gộp vẫn giữ được xu hướng tăng được xem là một trong những thành công của Công ty khi đã đưa ra được các chính sách hợp lý và kịp thời.

Về cơ cấu, tương tự như cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán thành phẩm chiếm vẫn tỷ trọng lớn nhất. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán thành phẩm năm 2020 đạt 13,96 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 51% trên tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2019, giá trị lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm giảm khá mạnh, chỉ còn khoảng 50% so với năm 2019. Ngược lại, năm 2020, giá trị lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng hóa tăng mạnh so với năm 2019, từ 2,08 tỷ đồng lên 13,52 tỷ đồng. Tỷ trọng lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng hóa trên doanh thu thuần trên doanh thu thuần năm 2020 đạt khoảng 4,09% trong năm 2020, tăng mạnh so với tỷ trọng năm 2019 chỉ là 0,07%. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng hóa năm 2020 tăng cả về giá trị lẫn tỷ trọng so với cùng kỳ năm 2019 nhưng tỷ trọng vẫn thấp hơn tỷ trọng từ hoạt động bán thành phẩm.

Lợi nhuận gộp năm 2021 của Công ty đạt 41,715 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp là 9,56%, trong đó, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán thành phẩm đạt 34,61 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 82,96% trên tổng lợi nhuận gộp. Lợi nhuận gộp năm 2021 của Công ty đã tăng 52,47% so với năm 2020. Công ty chủ động đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, nâng cao công suất sản xuất cũng như đẩy mạnh công tác bán hàng, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu, từ đó giúp doanh thu cũng như lợi nhuận gộp đều tăng trưởng.

c) Nguyên vật liệu/ yếu tố đầu vào

❖ Nguồn nguyên vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu đến từ việc nhập bông để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sợi và khăn. Theo số liệu tại BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 77% chi phí giá vốn hàng bán và 75% tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn nguyên vật liệu chính đầu vào của quá trình sản xuất các sản phẩm của Công ty là bông nguyên liệu. Bông được Công ty nhập từ thị trường Ấn Độ, Tây Phi, Mỹ, Brazil và một phần từ thị trường bông trong nước. Nguyên liệu sản xuất khăn của Công ty gồm các loại sợi OE do Công ty tự sản xuất. Nhu cầu bông nguyên liệu hàng tháng là 480 tấn/tháng. Nguyên liệu bông cotton được trồng tự nhiên nên mang tính mùa vụ, ví dụ bông Tây Phi có vụ mùa từ tháng 2 đến tháng 4, bông Đông Phi mùa vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bông Mỹ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Do đó, giá cả và chất lượng bông cotton phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, sản lượng thu hoạch, thời điểm giao hàng hay chính sách bán/xuất khẩu bông của các nước trồng bông lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ...

Bảng số 5: Nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2021

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2021
1	Bông bụi trắng	kg	2.836.915,5
2	Bông bụi tẩy trắng	kg	337.777,6
3	Bông chải kỹ trắng	kg	210.865,8
4	Bông phế B1	kg	327.820,6
5	Bông phế F2	kg	124.646,5
6	Bông B2 - (Bông phế kim mũi máy chải)	kg	104.057,4
7	Bông chải thô	kg	285.443,5
8	Bông xơ đã chải thô, chải kỹ (FK)	kg	119.287
9	Bông xơ đã chải thô, chải kỹ (FS)	kg	193.343
10	Bông xơ đã chải thô, chải kỹ	kg	96.670,3
11	Bông B1 - bông roi chải kỹ	kg	90.132,60
12	Bông phế - bông roi chải kỹ	kg	67.597,1
13	Bông bụi tẩy trắng hóa học	kg	61.250
14	Xơ tổng hợp từ các Polyester chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi (1.3 denierx38mm, semi Dull, Grade A)	kg	50.325,6
15	Bông B2	kg	26.030,8
16	Xơ Polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611495/A)	kg	15.180
17	Bông chưa chải thô, chải kỹ	kg	53.998,8
18	Phế liệu bông loại 2-3 trắng không nhuộm	kg	62.240
	Tổng		5.063.582,10

(Nguồn: SVD)

❖ **Sự ổn định của nguồn cung cấp**

Giá bông có thể thay đổi nhanh chóng theo ngày do đây là hàng hóa kỳ hạn nên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố niềm tin và chính sách.... Luôn ý thức được tầm quan trọng của sự ổn định nguồn nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất, Công ty đã không ngừng tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới, lựa chọn các nhà cung cấp có năng lực, uy tín, kinh nghiệm trên quan hệ cơ sở hợp tác lâu dài nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu cả về chất lượng và số lượng.

Đồng thời, trong quá trình sản xuất, Công ty luôn cố gắng hạn chế tối đa hao hụt nguyên vật liệu sản xuất nhằm giảm sự lãng phí nguồn nguyên vật liệu.

Bảng số 6: Một số đối tác cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty

STT	Tên nhà cung cấp	Nguyên vật liệu
1	Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Linh Khoa	Bông các loại: Bông phế, Bông bụi trắng, Bông roi chải kỹ....
2	Công ty TNHH VIGO TEXTILES	Bông roi chải kỹ
3	Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ sản xuất Hoàng Thân	Bông các loại
4	Công ty TNHH sản xuất kinh doanh và thương mại Vĩnh Anh	Ống
5	Công ty TNHH Tài Định	Túi nilon
6	Công ty TNHH KMTT	Bao bì

(Nguồn: SVD)

❖ **Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới kết quả doanh thu, lợi nhuận của Công ty**

Nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là các yếu tố đầu vào cho hoạt động gia công của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài. Tuy nhiên, đối với ngành nghề sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ bông của Công ty, do sau khi nhập nguyên vật liệu, Công ty cũng phải xử lý nhiều khâu sau đó, nên việc tăng giá nguyên vật liệu không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

d) Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Với mục tiêu hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm luôn được Công ty ưu tiên hàng đầu, đảm bảo chất lượng nguồn sản phẩm đầu ra đến từng khách hàng. Do đó Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ việc kiểm tra nguyên vật liệu đến giai đoạn sản xuất bởi các cán bộ chuyên môn có trình độ. Trong mỗi ca sản xuất, công nhân có trách nhiệm kiểm soát từng sản phẩm của mình để loại bỏ các sản phẩm hỏng. Các bán thành phẩm lỗi được tách ra và xử lý lại bắt đầu từ công đoạn đầu tiên. Với các thành phẩm lỗi được trưởng ca thống kê, ghi chép lại và bàn giao cho bộ phận kỹ thuật hành chính xem xét và có phương hướng giải quyết. Bên cạnh đó, các sản phẩm của Công ty tiếp tục được sàng lọc và kiểm tra lại một lần nữa dưới sự chứng kiến của khách hàng trước khi bàn giao. Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001:2008.

Song song với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, Công ty còn đầu tư trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát chất lượng UTTER hiện đại và đội ngũ kỹ sư lâu năm, nhiều kinh nghiệm.

e) Chi phí hoạt động

Bảng số 7: Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)
Giá vốn hàng bán	245.197,99	90,75	302.882,98	91,65	394.762,33	90,44
- Giá vốn của hàng hóa nội địa	88.364,97	32,71	131.604,02	39,82	141.378,75	32,39
- Giá vốn xuất khẩu	156.833,02	58,05	171.278,95	51,83	253.383,58	58,05
Chi phí tài chính	10.728,35	3,97	14.509,56	4,39	20.753,26	4,75
- Chi phí lãi vay	10.460,74	3,87	13.780,22	4,17	18.021,50	4,13
Chi phí bán hàng	1.940,48	0,72	2.485,32	0,75	5.459,38	1,25
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.494,95	1,29	4.076,92	1,23	5.219,72	1,20
Chi phí khác	22,33	0,00	1.689,46	0,51	35,70	0,01
Tổng Chi phí	261.384,10	96,65	325.644,23	98,53	426.230,39	97,65
Doanh thu thuần	270.174,89	100	330.490,97	100	436.477,96	100

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

Giá vốn hàng bán là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trên tổng doanh thu thuần (trung bình khoảng 90,5%) và tổng chi phí của Công ty (trung bình khoảng 93,5%) qua các năm. Năm 2020, cùng với sự tăng trưởng của doanh thu thuần, giá vốn hàng bán của Công ty là 302,88 tỷ đồng, tăng 23,5% so với năm 2019. Theo đó, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần cũng tăng từ 90,8% lên 91,7%.

Chi phí tài chính trong năm 2020 là 14,51 tỷ đồng, tăng 35,2% so với năm 2019, chủ yếu do sự gia tăng của chi phí lãi vay. Nguyên nhân do Công ty tiếp tục thực hiện vay thêm vốn để phục vụ dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất. Chi phí bán hàng trong năm 2020 của Công ty là 2,49 tỷ đồng, tăng 28,1% so với năm 2019. Chi phí tài chính và chi phí bán hàng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trên doanh thu thuần nên việc gia tăng của các khoản chi phí này không gây ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần năm 2020 giảm nhẹ so với năm 2019 cho thấy bộ máy quản lý của Công ty đã được tinh giảm gọn nhẹ, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2021 của Công ty là 426,23 tỷ đồng, chiếm khoảng 97,65% tổng doanh thu thuần, trong đó giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các khoản chi phí. Tuy nhiên, tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần đã

có sự giảm nhẹ so với các năm trước và đạt 90,44%. Đây là kết quả của việc Công ty đã nỗ lực cắt giảm tối đa các chi phí không cần thiết tại khâu sản xuất trong điều kiện dịch bệnh nhằm hạ giá thành sản xuất, duy trì biên lợi nhuận gộp.

11.2. Tài sản

11.2.1. Tình hình tài sản cố định của Công ty

Bảng số 8: Tình hình tài sản cố định Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021	
		Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
I	Tài sản hữu hình	267.818,83	241.064,68	268.982,90	220.460,71
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	52.495,89	48.259,78	53.257,87	45.782,27
2	Máy móc thiết bị	213.529,03	191.460,14	213.931,12	173.637,43
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.646,64	1.251,01	1.646,64	974,78
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	147,27	93,75	147,27	66,23
II	Tài sản vô hình	202,77	159,71	202,77	200,26
1	Phần mềm kế toán	202,77	159,71	202,77	200,26
2	Tài sản cố định vô hình khác	-	-	-	-
Tổng cộng		268.021,60	241.224,39	268.171,92	269.185,67

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

- Tại ngày 31/12/2020:

+ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 128.025.087.929 VND.

+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND.

- Tại ngày 30/06/2021:

+ Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 122.150.594.627 VND.

+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 33.421.000 VND.

- Tại ngày 31/12/2021:

+ Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 116.276.101.325 VND.

+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 33.421.000 VND.

11.2.2. Hiện trạng sử dụng đất

Trong các năm qua, Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng đã sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật Đất đai cũng như các quy định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Bảng số 9: Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng

Đơn vị: Đồng

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Căn cứ pháp lý	Thực trạng sử dụng đất		Thời hạn thuê	Chi phí thuê/năm	Hình thức đóng phí thuê đất
				Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)			
1	Thửa đất số 398, tờ bản đồ số 1, Cụm Công nghiệp Đông Phong, X. Đông Phong, H. Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	19.985,4	Giấy CN QSD đất số CK900773 do Sở TN&MT tỉnh Thái Bình cấp ngày 30/08/2019	(1) Xưởng sản xuất + Nhà kho (số 1)	6.342,2	49 năm	139.879.800	Trả tiền thuê đất hàng năm
				(2) Xưởng sản xuất + Nhà kho (số 2)	1.787			
				(3) Nhà hành chính	374,8			
				(4) Các hạng mục khác	13.089,7			

(Nguồn: SVD)

11.2.3. Chi phí xây dựng dở dang

Bảng số 10: Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1. Mua sắm tài sản cố định	4.430.090	-	-
2. Xây dựng cơ bản dở dang	743.899.000	182.435.000	-
Tổng cộng	748.329.090	182.435.000	-

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

11.3. Thị trường hoạt động

- Chi tiết cơ cấu Doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp của Công ty theo lĩnh vực hoạt động như sau:

Bảng số 11: Cơ cấu Doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
I. Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ						
1. Doanh thu nội địa	93.000,87	34,42	138.600,51	41,95	150.570,76	34,50
– Sợi	13.155,61	4,87	17.191,74	5,20	38.022,27	8,71
– Khăn	1.357,83	0,50	75,04	0,02	175,14	0,04
– Bông các loại	77.746,41	28,78	71.366,56	21,60	92.080,66	21,10
– Phế phẩm	741,02	0,27	2.102,37	0,64	2.261,65	0,52
– Hàng hóa	741,02	0,27	47.864,80	14,49	18.031,03	4,13
2. Doanh thu xuất khẩu	177.174,02	65,58	191.765,72	58,05	285.907,21	65,50
– Sợi	176.801,78	65,44	189.547,97	57,38	285.907,21	65,50
– Khăn	372,24	0,14	2.217,75	0,67	-	-
Tổng cộng	270.174,89	100	330.366,23	100	436.477,96	100
II.						
1. LNG từ hoạt động phân phối nội địa	4.635,90	1,72	13.290,39	4,02	12.912,02	2,96%
– Sợi	2.468,97	0,92	(236,88)	(0,07)	5.801,50	1,33%
– Khăn	80,50	0,03	4,11	0,00	5,64	0,00%
– Bông các loại	1.996,78	0,74	2.934,99	0,89	1.380,10	0,32%
– Phế phẩm	89,64	0,03	1.496,71	0,45	2.258,75	0,52%
– Hàng hóa	-	-	9.091,47	2,75	3.466,03	0,79%

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
2. LNG từ hoạt động xuất khẩu	20.341,00	7,53	14.192,86	4,30	28.803,61	6,60%
– Sợi	20.293,84	7,51	13.957,69	4,22	28.803,61	6,60%
– Khăn	47,16	0,02	235,17	0,07	-	-
Tổng cộng	24.976,89	9,25	27.483,25	8,32	41.715,63	9,56

(Nguồn: SVD)

Những năm 2017, 2018, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động phân phối tại thị trường nội địa. Những năm gần đây, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ doanh thu xuất khẩu. Các sản phẩm xuất khẩu bao gồm các loại sợi và khăn 100% cotton được dệt từ sợi do chính Công ty sản xuất. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là thị trường Trung Quốc. Ngoài ra, các sản phẩm khăn của Công ty còn được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

Năm 2019, Công ty đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ từ 52 tỷ đồng lên 129 tỷ đồng. Số vốn điều lệ tăng thêm được Công ty sử dụng để bổ sung vốn lưu động, đầu tư máy móc thiết bị, tăng năng lực sản xuất. Đặc biệt, trong năm 2019, sau khi hoàn thiện việc đầu tư xây dựng nhà máy sợi, Công ty tập trung vào việc đẩy mạnh sản xuất, mở rộng thị trường, thực hiện ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu sợi lớn, khiến doanh thu từ việc xuất khẩu sợi tăng gấp 7 lần so với năm 2018. Bên cạnh đó, năm 2019, Công ty còn phát triển thêm thị trường khăn xuất khẩu sang Nhật với doanh thu 372 triệu đồng. Đồng thời, với thị trường trong nước, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động bán hàng, khiến doanh thu nội địa năm 2019 tăng gấp đôi so với năm 2018. Nhờ vào việc đẩy mạnh cả hoạt động xuất khẩu lẫn nội địa nên tổng doanh thu năm 2019 đạt gần 25 tỷ đồng, tăng gấp gần 4 lần so với năm trước. Tuy nhiên, tốc độ tăng của doanh thu xuất khẩu lớn hơn nhiều so với tốc độ tăng của doanh thu nội địa (tốc độ tăng 105,88%) nên cơ cấu doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty có sự biến động trong năm 2019.

Trong cơ cấu doanh thu từ hoạt động xuất khẩu, doanh số từ mảng kinh doanh sợi vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị bán hàng của Công ty, năm 2019 là 176,80 tỷ đồng, năm 2020 là 189,54 tỷ đồng, dao động trong khoảng từ 57 - 65% hàng năm. Tiếp theo sau đó là doanh thu từ việc bán bông các loại ở thị trường nội địa, chiếm tỷ trọng xếp thứ 2 trong tổng doanh số của Công ty, năm 2019 là 77,74 tỷ đồng, năm 2020 là 71,36 tỷ đồng, dao động trong khoảng từ 18 - 28% hàng năm.

Mặc dù chịu ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc đầu năm 2020 và lan ra các nước trên thế giới, nhưng do Công ty đã kịp thời, linh hoạt điều chỉnh chính sách bán hàng nên kết quả doanh thu cũng như lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2020 vẫn

đạt kế hoạch đề ra và tăng nhẹ so với năm trước. Cụ thể, trong năm 2020, với thị trường trong nước, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động bán hàng, khiến doanh thu nội địa trong năm tăng hơn 40 tỷ đồng so với năm 2019. Nhờ vào việc đẩy mạnh cả hoạt động xuất khẩu lẫn nội địa nên tổng doanh thu năm 2020 của Công ty đã tăng hơn 60 tỷ đồng so với năm 2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng của doanh thu nội địa lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu xuất khẩu nên cơ cấu doanh thu theo thị trường xuất khẩu của Công ty giảm so với năm 2019. Đây là kết quả tương đối khả quan trong bối cảnh thương mại toàn cầu bị đình trệ, đứt gãy chuỗi cung ứng,....

Kết thúc năm 2021, tổng doanh thu thuần của Công ty là hơn 436,47 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu nội địa đạt 150,57 tỷ đồng, chiếm 34,5% trong tổng doanh thu thuần. Doanh thu từ xuất khẩu đạt 285,9 tỷ đồng, tương 65,5% trong tổng doanh thu thuần. Tuy trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 bùng phát trong nước đã làm cho rất nhiều doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhưng doanh thu thuần năm 2021 của Công ty vẫn cao gấp 1,3 lần so với doanh thu của năm 2020.

- Chi tiết cơ cấu doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ theo thị trường như sau:

Bảng số 15: Chi tiết cơ cấu doanh thu thuần của Công ty theo thị trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh thu thuần theo thị trường	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
1. Nội địa	93.000,87	34,42	138.600,51	41,95	150.570,76	34,50
2. Xuất khẩu	177.174,02	65,58	191.765,72	58,05	285.907,20	65,50
– Trung Quốc	176.801,78	65,44	189.547,97	57,38	285.907,20	65,50
– Nhật Bản	372,24	0,14	2.217,75	0,67	-	-
Tổng cộng	270.174,89	100	330.366,23	100	436.477,96	100

(Nguồn: SVD)

Các sản phẩm xuất khẩu bao gồm các loại sợi và khăn 100% cotton được dệt từ sợi do chính Công ty sản xuất. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là thị trường Trung Quốc. Ngoài ra, năm 2019, 2020, các sản phẩm khăn của Công ty còn được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. Căn cứ theo Phụ lục 1: Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục mặt hàng chịu thuế kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, các mặt hàng khăn và sợi xuất khẩu của Công ty không thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế xuất khẩu. Vì vậy, tuy doanh thu xuất khẩu các năm của Công ty luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu nhưng thuế xuất khẩu bằng 0.

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, trong đó chủ yếu là hoạt

động xuất khẩu sợi tại thị trường Trung Quốc - thị trường xuất khẩu chính của Công ty. Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu năm 2021 đạt 285,9 tỷ đồng, trong đó toàn bộ là doanh thu xuất khẩu sợi sang thị trường Trung Quốc, chiếm 65,5% tổng doanh thu thuần.

11.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động tài chính của Công ty

a) Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư:

Năm	Giá trị đầu tư	Tình hình đầu tư
2019	64,18 tỷ đồng	Đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Phong (nay là xã Đông Quan), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Dự án đã hoàn thiện và đi vào hoạt động trong năm 2019 với công suất khoảng 4.290 tấn sợi/năm
2020	120,68 tỷ đồng	Đầu tư mở rộng Nhà máy theo quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình. Tháng 10/2020, dự án đã hoàn tất công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đi vào hoạt động với công suất khoảng 7.721 tấn sợi/năm

(Nguồn: SVD)

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 129 tỷ đồng để đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Phong, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Trong năm 2020, Công ty đã đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị gồm:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy cung bông Saurer Jintan	Hệ thống	1
2	Máy chải JSC 326	Chiếc	10
3	Máy ghép Rieter RSB-D50	Chiếc	5
4	Máy kéo sợi OE TQF368 + máy cắt lọc Kingray35	Chiếc	8
5	Máy lọc bụi tổ ong JYFO-III-8	Chiếc	2
6	Máy lọc bụi tổ ong JYFO-III-7	Chiếc	1
7	Máy đóng kiện năm	Chiếc	2
8	Máy kiểm tra độ đều sợi CT3000	Chiếc	1
9	Xe nâng CPCD25	Chiếc	1
10	Máy bọc kim FIS-1500	Chiếc	1
11	Máy mài kim mũi FJS-1500U	Chiếc	1

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
12	Máy dò tách lọc xơ ngoại lai	Chiếc	1
13	Ổn áp 3P ngâm dầu - 1500KVA - 1 chiếc	Chiếc	1
14	Lắp đặt trạm biến áp 1500KVA 10/22/0.4 KV	Chiếc	1

(Nguồn: SVD)

Bên cạnh đó, trong năm 2020, Công ty cũng thực hiện đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo quyết định số 3770/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình với quy mô như sau:

- Công suất thiết kế: Sản xuất sợi OE sản lượng 9.438 tấn/năm.

- Công trình xây dựng: Cải tạo Nhà hành chính + nhà ăn ca thành 02 tầng; Cải tạo Xưởng sản xuất + Kho thành phẩm + Kho nguyên liệu thành Xưởng sản xuất; Xây dựng mới Kho số 01; Xây dựng mới Kho số 02; Xây dựng mới Nhà cơ khí, Kho chất thải nguy hại, Khu tập kết chất thải rắn, Khu phụ trợ.

- Diện tích đất sử dụng: 19.985,4 m².

Đến nay, tiến độ xây dựng đạt 100% và đã đi vào hoạt động ổn định. Sản phẩm đã được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và tiêu dùng trong nước.

Ngoài nguồn vốn từ các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn, vốn tự tích lũy, Công ty còn thực hiện vay vốn để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Đến nay, các nguồn vốn huy động đã được Công ty sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả đúng mục đích.

Năm 2021, Công ty không thực hiện đầu tư dự án, đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.

b) Báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ:

STT	Các chỉ tiêu hiệu quả	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần (%)	9,24	8,32	9,56
2	Tỷ lệ lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần (%)	3,55	2,36	3,36
3	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (%)	2,77	1,44	2,69

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

Từ năm 2019 đến thời điểm hiện tại, các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty có sự biến động khác nhau nhưng chưa thể hiện được sự tăng trưởng đột biến. Cụ thể, về tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần năm 2021 đã có sự tăng trưởng so với 2 năm trước, điều này thể hiện được rằng trong năm 2021, Công ty đã biết cách tiết giảm được các chi phí giá vốn hàng bán để tăng được biên lợi nhuận gộp. Điều này cũng chứng tỏ Công ty đã dần cải thiện được lợi thế cạnh tranh với các Công ty khác cùng ngành. Tuy nhiên, năm 2021, các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận thuần từ

hoạt động kinh doanh hay tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty lại bị giảm so với năm 2019. Điều này cho thấy, mặc dù đã được cải thiện hơn so với năm 2020, nhưng trong năm nay, các chi phí liên quan đến hoạt động của Công ty như chi phí lãi vay, chi phí quản lý doanh nghiệp hay chi phí bán hàng của Công ty vẫn còn cần được tiết kiệm và tối ưu hơn (như năm 2019). Tuy vậy, các điểm này hoàn toàn có thể cải thiện được trong thời gian tới nếu Ban lãnh đạo của Công ty đưa ra các chiến lược đúng đắn và hiệu quả.

11.5. Các Hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng số 12: Các Hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2019, 2020 và đến thời điểm hiện tại

TT	Tên Hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị Hợp đồng	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
1	03/VD/LUMENA/2019	Sợi OE 20/1, sợi OE 21/1	25/3/2019	14.666,87	Tr. Đồng	4-5/2019	Hongkong Lumena International Co., ltd	Không
2	10/VD/LUMENA/2019	Sợi OE 20/1, sợi OE 21/1	01/7/2019	11.357,53	Tr. Đồng	7-8/2019	Hongkong Lumena International Co., ltd	Không
3	11/VD/LUMENA/2019	Sợi OE 20/1, sợi OE 21/1	10/8/2019	5.559,33	Tr. Đồng	8/2019	Hongkong Lumena International Co., ltd	Không
4	13/VD/LUMENA/2019	Sợi OE 20/1, sợi OE 21/1	09/9/2019	8.513,64	Tr. Đồng	9/2019	Hongkong Lumena International Co., ltd	Không
5	15/VD/LUMENA/2019	Sợi OE 20/1, sợi OE 21/1	29/10/2019	5.000,37	Tr. Đồng	11/2019	Hongkong Lumena International Co., ltd	Không
6	03/VD/China/2019	Sợi OE 20/1, sợi OE 21/1	18/3/2019	4.734,13	Tr. Đồng	4/2019	China Co-op group Nantong Co-op industrial development Co.,Ltd	Không

TT	Tên Hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị Hợp đồng	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
7	03/VD/NAN TONG/2019	Sợi OE 20/1, sợi OE 21/1	24/9/2019	4.493,49	Tr. Đồng	10/2019	Nantong Co-op Textile Exchange Co.,ltd	Không
8	03/VD/ZHE/2019	Sợi OE 20/1, sợi OE 21/1	07/11/2019	4.490,31	Tr. Đồng	11-12/2019	Zhejiang Amp Orient Imp and Exp Co.,LTD	Không
9	02/VD/ANH UI/2019	Sợi OE 20/1, sợi OE 21/1	20/02/2019	4.687,10	Tr. Đồng	4/2019	Anhui Garment IMP and EXP Co., Ltd	Không
10	19/VD/LUM ENA/2019	Sợi OE 20/1	15/12/2019	856.000	USD	01-02/2020	Hongkong Lumena International Co.,ltd	Không
11	02/VD/HK/2019	Sợi OE 21/1	30/12/2019	222.000	USD	01-02/2020	Hongkong 5Ctong Limited	Không
12	01/VD/LUM ENA/2020	Sợi Ne21/1 OE	29/2/2020	287.160	USD	5-6/2020	Hongkong Lumena International Co.,ltd	Không
13	02/VD/ZZ/2020	Sợi Ne21/1 OE	02/01/2020	444.000	USD	02/2020	Zhejiang Zhongda Group International Trading Co.,Ltd	Không
14	04/VD/ZZ/2020	Sợi Ne21/1 OE	30/5/2020	676.200	USD	7/2020	Zhejiang Zhongda Group International Trading Co.,Ltd	Không
15	01/VD/Feminine/2020	Khăn	06/06/2020	332.497	USD	7/2020	Feminine Co Ltd	Không
16	06/VD/LUM	Sợi OE 21/1	01/6/2020	958.800	USD	7-8/2020	Hongkong Lumena	Không

TT	Tên Hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị Hợp đồng	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	ENA/2020						International Co.,Ltd	
17	07/VD/LUM ENA/2020	Sợi OE 21/1	09/06/2020	2.298.000	USD	7-8/2020	Hongkong Lumena International Co.,Ltd	Không
18	01/VD/ZZ/2020	Sợi OE 21/1	28/02/2020	370.000	USD	3/2020	Zhejiang Zhongda Group International Trading Co.,Ltd	Không
19	06/VD/ZZ/2020	Sợi OE 21/1	08/6/2020	676.200	USD	6-7/2020	Zhejiang Zhongda Group International Trading Co.,Ltd	Không
20	04/VD/XH/2019	Sợi OE 21/1	09/01/2020	307.440	USD	02/2020	Xiamen Haixia investment Co., LTD	Không
21	Phụ lục I+II hợp đồng 01/2020/VD-MT	Sợi OE 20/1	02/6/2020	14.000	Tr. Đồng	7-8/2020	Công ty TNHH Dệt Nhuộm Minh Tâm	Không
22	Phụ lục I hợp đồng 01/2020/VD-DD	Sợi OE 16/1, sợi OE 20/1	02/6/2020	14.000	Tr. Đồng	7/2020	Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Đăng Dương	Không
23	Phụ lục III hợp đồng 01/2020/VD-DD	Sợi OE 16/1, sợi OE 20/1	09/6/2020	13.000	Tr. Đồng	8/2020	Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Đăng Dương	Không
24	06/VD/CHINA/2020	Sợi OE 21/1	01/10/2020	212.940	USD	11/2020	China Co-op Group nantong co-op industrial development co.,Ltd	Không

TT	Tên Hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị Hợp đồng	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
25	01/VD/XIAMEN/2021	Sợi Ne 21/1 OE	04/12/2020	8.817	Tr. Đồng	2020	Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd	Không
26	03/VD/ANHUI/2021	Sợi Ne21/1 OE; Sợi Ne16/1 OE	09/07/2021	9.642	Tr. Đồng	2021	Anhui Garments IMP and EXP Co., Ltd	Không
27	02/VD/ANHUI/2021	Sợi Ne 21/1 OE	05/06/2021	4.785	Tr. Đồng	2021	Anhui Garments IMP and EXP Co., Ltd	Không
28	01/VD/ANHUI/2021	Sợi Ne 21/1 OE	12/05/2021	10.046	Tr. Đồng	2021	Anhui Garments IMP and EXP Co., Ltd	Không
29	01VD/NANTONG/2021	Sợi Ne 21/1 OE	06/08/2021	5.139	Tr. Đồng	2021	Nantong Co-op Textile Exchange Co., Ltd	Không
30	02/VD/NANTONG/2021	Sợi Ne 21/1 OE	06/08/2021	5.139	Tr. Đồng	2021	Nantong Co-op Textile Exchange Co., Ltd	Không
31	07/VD/ITG/2021	Sợi Ne 21/1 OE	15/07/2021	4.927	Tr. Đồng	2021	Xiamen ITG Group Corp., Ltd	Không
32	04/VD/ITG/2021	Sợi Ne 21/1 OE	05/06/2021	4.773	Tr. Đồng	2021	Xiamen ITG Group Corp., Ltd	Không
33	03/VD/ITG/2021	Sợi Ne 21/1 OE	20/05/2021	5.092	Tr. Đồng	2021	Xiamen ITG Group Corp., Ltd	Không
34	02/VD/ITG/2021	Sợi Ne 21/1	20/05/2021	5.092	Tr.	2021	Xiamen ITG	Không

TT	Tên Hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị Hợp đồng	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	021	OE			Đồng		Group Corp., Ltd	
35	06/VD/LUM ENA/2021	Sợi Ne 20/1 OE	15/08/2021	5.934	Tr. Đồng	2021	Hongkong Lumena International Co.,ltd	Không
36	01/VD/LUM ENA/2021	Sợi Ne 20/1 OE, Sợi Ne 16/1 OE	18/03/2020	4.210	Tr. Đồng	2020	Hongkong Lumena International Co.,ltd	Không
37	04/VD/LUM ENA/2021	Sợi Ne 20/1 OE	15/06/2021	5.520	Tr. Đồng	2021	Hongkong Lumena International Co.,ltd	Không
38	02/VD/NAN TONG/2021	Sợi Ne 21/1 OE	06/08/2021	5.139	Tr. Đồng	2021	Nantong Co-op Textile Exchange Co., Ltd	Không
39	06/VD/XIA MEN/2021	Sợi Ne 21/1 OE	06/08/2021	5.162	Tr. Đồng	2021	Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd	Không
40	05/VD/XIA MEN/2021	Sợi Ne 21/1 OE	06/07/2021	4.832	Tr. Đồng	2021	Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd	Không
41	04/VD/XIA MEN/2021	Sợi Ne 21/1 OE	05/07/2021	5.799	Tr. Đồng	2021	Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd	Không

(Nguồn: SVD)

11.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng số 13: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2019, 2020 và đến thời điểm hiện tại

TT	Tên các khách hàng, nhà cung cấp lớn	Sản phẩm, dịch vụ	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Thời gian Giao dịch	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
I	NHÀ CUNG CẤP LỚN				
1	Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Linh Khoa	Bông bụi trắng	39.510	Năm 2019	Không
2	Công ty TNHH Vigo Textiles	Bông roi chải kỹ	3.513,83	Năm 2019	Không
3	Công ty TNHH Một thành viên Táo Xanh Quốc Tế	Bông chải thô	9.664,95	Năm 2020	Không
4	Công ty TNHH TM Cửu Long	Bông phế, bông roi chải kỹ	3.457,86	Năm 2020	Không
5	Công ty TNHH thương mại Dệt May An Nam	Bông thiên nhiên đã qua chải thô, chải kỹ	2.598,75	Năm 2020	Không
6	Chi nhánh Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Nhà máy sợi Vinatex Nam Định	Bông phế các loại	9.837	Năm 2021	Không
7	Công ty TNHH Vigo Textiles	Bông B1	1.522	Năm 2021	Không
8	Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Lam Giang	Bông roi máy chải kỹ	2.031	Năm 2021	Không
9	Tổng công ty cổ phần dệt may Nam Định	Bông phế B1	879	Năm 2021	Không
10	Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải Mỹ Trang	Bông phế B2	23.497	Năm 2021	Không
11	Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Linh Khoa	Bông các loại	50.495	Năm 2021	Không
II	KHÁCH HÀNG LỚN				
1	Hongkong Lumena International Co., LTD	Sợi Ne 21/1 OE, Sợi Ne 20/1 OE	91.001,8	Năm 2019	Không

TT	Tên các khách hàng, nhà cung cấp lớn	Sản phẩm, dịch vụ	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Thời gian Giao dịch	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
2	Nantong Co-op Textile Exchange Co., LTD	Sợi Ne 21/1 OE	22.425	Năm 2019	Không
3	China Co-op Group Nantong Co-op Industrial Development Co., LTD	Sợi Ne 21/1 OE	9.296,6	Năm 2019	Không
4	Anhui Garments IMP and EXP Co., Ltd	Sợi Ne 21/1 OE	9.108	Năm 2019	Không
5	Xiamen Port commerce Information Co., LTD	Sợi Ne 21/1 OE	46.539,35	Năm 2020	Không
6	Hongkong Lumena International Co., LTD	Sợi Ne 20/1 OE, Sợi Ne 21/1 OE	37.219,52	Năm 2020	Không
7	China Co-op Group Nantong Co-op Industrial Development Co., LTD	Sợi Ne 21/1 OE	23.742,67	Năm 2020	Không
8	Xiamen ITG Group Corp., LTD	Sợi Ne 21/1 OE	17.447,11	Năm 2020	Không
9	Nantong Co-op Textile Exchange Co., LTD	Sợi Ne 21/1 OE	9.679,32	Năm 2020	Không
10	Công ty TNHH Sama Industries Vina	Sợi NE 8/1 OE	8.210,4	Năm 2020	Không
11	Công ty TNHH Quốc Tế Việt Nam Lumena	Sợi Ne 16/1 OE, Sợi Ne 20/1 OE	6.933,8	Năm 2020	Không
12	Anhui Garments IMP and EXP Co., Ltd	Sợi OE các loại	24.474	Năm 2021	Không
13	Hongkong Lumena International Co., Ltd	Sợi OE các loại	28.719	Năm 2020, 2021	Không
14	Nantong Co-op Textile Exchange Co., Ltd	Sợi OE các loại	15.418	Năm 2021	Không
15	Xiamen ITG Group Corp., Ltd	Sợi OE các loại	22.703	Năm 2020, 2021	Không
16	Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd	Sợi OE các loại	24.612	Năm 2020, 2021	Không
17	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Vượng	Bông sợi	218.438	Năm 2019, 2020, 2021	Không

(Nguồn: SVD)

11.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

11.7.1. Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Thị trường cung ứng xơ sợi của Việt Nam hiện nay có thể chia làm 3 nhóm chính bao gồm: các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp tư nhân trong nước. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất sợi, Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng sở hữu cơ sở vật chất khá tốt và là một trong những đơn vị cung cấp sợi chủ yếu trên địa bàn tỉnh nói riêng và khu vực miền Bắc nói chung. Thị trường tiêu thụ của Công ty tập trung ở cấp trung bình và thấp nên thị trường rộng. Sản phẩm sợi OE có thể sản xuất ra nhiều loại sản phẩm đa dạng như: vải bò, vải kaki, vải thô, khăn mặt, túi, mũ... Đặc biệt thị trường khăn xuất sang Nhật của Công ty trong thời gian vừa qua khá phát triển, giá thành thấp nên tính cạnh tranh cao.

Hơn thế nữa, Công ty đã thực hiện đầu tư chuyển đổi từ công nghệ kéo sợi cọc sang công nghệ kéo sợi OE đơn giản hơn, năng suất cao, tiết kiệm chi phí, đặc biệt là chi phí nhân công chỉ bằng 1 nửa so với công nghệ kéo sợi cọc. Điều này giúp Công ty cắt giảm được giá thành, nâng cao năng suất và tính cạnh tranh của sản phẩm.

Nguyên liệu sử dụng trong sản xuất sợi ở Công ty cũng rất linh hoạt, tùy theo nhu cầu của khách hàng có thể sử dụng 100% bông nguyên hoặc 100% bông nguyên liệu là phế phẩm của sợi cọc loại ra, tiết kiệm giá thành.

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục tích cực đầu tư trang thiết bị, đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao trình độ lao động, mở rộng quy mô sản xuất cũng như thị trường tiêu thụ nhằm tiếp tục củng cố vị thế là một doanh nghiệp đi đầu. Về thị phần của Công ty, hiện tại không có thống kê cụ thể thị phần của Công ty trong ngành.

11.7.2. Triển vọng phát triển ngành

Theo số liệu từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam 9 tháng năm 2021 đạt 29 tỷ USD, tăng 13,2% so với cùng kỳ 2020 và giảm 0,04% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Hàng may mặc đạt 21,7 tỷ USD, tăng 5%; vải đạt 1,8 tỷ USD, tăng 37,4%; xơ sợi đạt 4 tỷ USD, tăng 56,2%; vải không dệt đạt 557 triệu USD, tăng 77,3%; phụ liệu dệt may đạt 921 triệu USD, tăng 21,8%. Tổng kim ngạch nhập khẩu nguyên, phụ liệu đạt 18 tỷ USD, tăng 27,9% so với cùng kỳ năm 2020. Ngay từ đầu năm 2021, một số doanh nghiệp Dệt may cho biết các nhà máy dệt may đã kín đơn hàng trong năm. Tình hình này cải thiện rõ rệt so với cùng thời điểm năm ngoái khi khách hàng ngưng đặt đơn hàng mới và đơn hàng cũ bị hủy/trì hoãn giao. Sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát hơn so với năm 2020, nhu cầu mua sắm của người dân sau một thời gian dài kìm nén do giãn cách xã hội đã tăng trưởng trở lại. Tuy nhiên, khi dịch bệnh Covid-19 lại bùng phát trở lại từ đầu quý III đến nay, đây là khoảng thời gian cực kỳ khó khăn cho các doanh nghiệp dệt may trong nước. Với diễn biến vô cùng phức tạp, kéo dài của dịch Covid-19 tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam khiến nhiều doanh nghiệp phải đối mặt với hàng loạt thách thức: Đóng cửa, ngừng sản xuất, sản xuất cầm chừng, không thực hiện được đơn hàng, phải giao hàng chậm, giao hàng bằng máy bay hoặc bị hủy đơn hàng gây đứt gãy chuỗi cung ứng. Tuy vậy, theo VITAS đánh giá, ngành vẫn giữ được mức tăng trưởng khá so với

cùng kỳ 2020 và gần bằng kim ngạch xuất khẩu cùng kỳ năm 2019. Dù vậy, tăng trưởng xuất khẩu của ngành giảm dần theo từng quý.

Nhìn chung, ngành dệt may Việt Nam vẫn được coi là lựa chọn khá tốt ở một số nhóm hàng nhờ lao động dồi dào, trình độ lao động khá cao so với các nước cạnh tranh khác trong khu vực và giá lao động còn rẻ trong tương quan so với năng suất. Việt Nam có thể là lựa chọn lý tưởng thay thế cho Trung Quốc khi hàng Trung Quốc trở nên đắt đỏ nếu trong tương lai hàng may mặc từ Trung Quốc bị đưa vào danh mục đánh thuế. Điều này giúp các hãng bán lẻ lạc quan hơn về triển vọng kinh doanh, từ đó tác động đến các đơn hàng khăn, sợi truyền thống tại các nhà máy dệt may tại Việt Nam. Bên cạnh đó, trong ngắn và trung hạn, Việt Nam vẫn có khả năng tăng cường thị phần tại các nước nhờ các Hiệp định thương mại tự do, ví dụ sang châu Âu (nhờ hiệp định EVFTA) và khối các nước CPTPP, đặc biệt là Canada và Úc nhờ (CPTPP). Làn sóng đầu tư FDI đồng thời cũng mở ra các cơ hội cho dệt may hợp tác, các cơ hội mua bán, sáp nhập công ty, các cơ hội chuyển giao công nghệ để trở nên lớn mạnh hơn trên thị trường nội địa và quốc tế.

11.7.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung của thế giới

Ngày 11/04/2014, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3218/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quy hoạch). Với quan điểm phát triển ngành dệt may phải gắn với bảo vệ môi trường và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp, nông thôn; chuyển mạnh sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm, đảm bảo nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu và lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành..., quy hoạch định hướng phát triển các sản phẩm, lĩnh vực quan trọng như sau:

- Thứ nhất: tăng cường cho ngành may xuất khẩu để tận dụng cơ hội thị trường.
- Thứ hai: xây dựng Chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, sản phẩm dệt phục vụ y tế.
- Thứ ba: phát triển nguồn nguyên liệu xơ bông, các loại cây có xơ sợi, xơ sợi nhân tạo và phụ liệu.

Quy hoạch cũng đã xác định việc phát triển các nhà máy sợi, dệt, nhuộm tại các khu công nghiệp, khu chế xuất đã có cơ sở hạ tầng như Phố Nôi - tỉnh Hưng Yên; Hòa Xá, Bảo Minh - tỉnh Nam Định; Phúc Khánh, Nguyễn Đức Cảnh - tỉnh Thái Bình; Tràng Duệ - thành phố Hải Phòng; Châu Sơn - tỉnh Hà Nam... Như vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà nước. Với xu thế dịch chuyển từ các công ty sợi từ Trung Quốc sang Việt Nam và việc Hiệp định Thương mại Tự do Thái Bình Dương đã được ký kết, kỳ vọng về việc phát triển của các doanh nghiệp sợi là rất lớn. Đây là những cơ hội lớn và rõ ràng cho sự phát triển của Công ty.

Như vậy, lĩnh vực hoạt động hiện tại cũng như định hướng mở rộng quy mô sản xuất Công ty không những phù hợp với quy hoạch chung của ngành mà còn có thể tận dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể của Chính phủ và tỉnh Thái Bình trong thời gian tới.

11.8. Hoạt động Marketing

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng trong công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Chính sách chất lượng của Công ty là luôn thỏa mãn nhu cầu khách hàng. Công ty xác định để có được khách hàng, thỏa mãn, duy trì lòng tin và giữ được khách hàng, cũng như mở rộng và ổn định hoạt động kinh doanh thì yếu tố đầu tiên là chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Song, ngoài mục đích trên thì hiệu quả kinh tế, lợi nhuận doanh nghiệp, thu nhập của người lao động là vấn đề mà doanh nghiệp cũng rất quan tâm.

Hoạt động marketing của Công ty được xây dựng và thực hiện dựa trên những đặc thù riêng của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sợi. Hiện tại, Công ty duy trì mạng lưới khách hàng truyền thống thông qua các chính sách ưu đãi thương mại khi bán hàng, hội nghị khách hàng lớn hàng năm. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung tìm kiếm các khách hàng tiềm năng, mở rộng mạng lưới khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, ủng hộ các quỹ xã hội để nâng cao hình ảnh thương hiệu tới cộng đồng; hoạt động tài trợ cho các cuộc thi, sự kiện lớn; tham gia hội chợ triển lãm uy tín trong nước và quốc tế đều đặn hàng năm,... giúp xây dựng hình ảnh, củng cố thương hiệu, uy tín của Công ty trong và ngoài nước.

11.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Mẫu nhãn hiệu (logo):



Logo của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng được thiết kế dựa trên sự cách điệu hai chữ cái "VD" nối liền với nhau, là hai chữ cái đầu của tên Công ty. Theo nghĩa Hán - Việt, "Vũ" có nghĩa là mưa, là khúc nhạc, bao hàm nghĩa về sức mạnh to lớn. "Đăng" là ngọn đèn, mang ý nghĩa là sự soi sáng, tinh anh. Logo mang đường nét khỏe khoắn, tượng trưng cho ý chí kiên định, tầm nhìn sắc bén.

Logo được thiết kế với tông màu chủ đạo là vàng cam:

+ Màu vàng: Thể hiện sự sung túc, thịnh vượng. Với tâm niệm: "Lợi ích của khách hàng cũng là lợi ích của chúng tôi", Vũ Đăng luôn mong muốn các đối tác và nhân viên của mình phát triển thịnh vượng.

+ Màu cam: Thể hiện sự thân thiện, đón chào khách hàng và sự sáng tạo, năng động, quyết đoán trong công việc.

11.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Công ty có bộ phận kỹ thuật chuyên thực hiện nghiên cứu phát triển sản xuất các loại sợi mới hoặc nghiên cứu các biện pháp quản lý kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của máy móc thiết bị hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm. Ban Lãnh đạo Công ty luôn tìm kiếm các thị trường mới phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ, cũng như tập hợp được các cán bộ nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc đã không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại các hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty.

Từ năm 2019 đến nay, Công ty không ngừng ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất. Ban lãnh đạo Công ty chủ trương tăng cường tự động hóa hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động, tối ưu công thức nguyên vật liệu nhằm giảm tỷ lệ tiêu hao trong sản xuất, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng nhu cầu hàng hóa ngày càng tăng và đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cụ thể, trong năm 2019, Công ty đã thực hiện thành công các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, nâng tổng số vốn điều lệ lên 129 tỷ đồng. Song song với việc cung ứng các sản phẩm sợi truyền thống, kể từ năm 2019, Công ty đã tiến hành sản xuất và phân phối các loại khăn 100% cotton như khăn thể thao, khăn lau kính, khăn mặt, thảm... Thị trường phân phối bao gồm cả nội địa và nước ngoài với thị trường xuất khẩu khăn chủ yếu là Nhật Bản. Doanh thu thuần năm 2019 đạt 270,17 tỷ đồng, tăng gấp hơn 3 lần so với cùng kỳ năm 2018; lợi nhuận sau thuế đạt 7,48 tỷ đồng, tăng gấp hơn 24 lần so với cùng kỳ năm 2018. Những con số tăng trưởng vượt bậc của doanh thu và lợi nhuận năm 2019 là kết quả của việc sử dụng vốn hiệu quả cũng như đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp.

Trong năm 2020, dịch bệnh Covid-19 làm tê liệt nền kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam, ngành dệt may giảm 50% sản lượng xuất khẩu, ngành sợi của Việt Nam nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục gặp các khó khăn xuất khẩu chính vào thị trường Trung Quốc - trung tâm của dịch bệnh. Trước những khó khăn đó, ban lãnh đạo Công ty đã chủ động thu hẹp sản xuất, thực hiện cho nhân viên nghỉ luân phiên vừa để phòng tránh dịch bệnh vừa nhằm tiết kiệm chi phí trong mùa dịch. Đồng thời, từ cuối quý 3/2020 - khi dịch bệnh dần được kiểm soát, Công ty đã tập trung đẩy mạnh triển khai các đơn hàng bị tạm hoãn do ảnh hưởng dịch bệnh cũng như tìm kiếm các đơn hàng mới nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh cũng như kế hoạch doanh thu lợi nhuận đã đặt ra. Thực tế ghi nhận doanh thu năm 2020 của Công ty đạt 330,34 tỷ đồng, tăng 22,28% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, do chi phí tăng cao nên lợi nhuận sau thuế năm 2020 chỉ đạt 4,75 tỷ đồng, giảm 36,47% so với cùng kỳ năm 2019. Trong điều kiện nền kinh tế khó khăn như năm 2020 thì kết quả kinh doanh của Công ty được xem là đáng khen ngợi. Bên cạnh các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thì trong năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc đầu tư mở rộng nhà máy, nâng công suất lên gấp hơn 2 lần so với công suất ban đầu.

Bước sang năm 2021, Công ty chủ trương tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh sợi truyền thống nhằm khai thác tối đa công suất của nhà máy. Bên cạnh đó, với hoạt động kinh doanh khăn, Công ty tập trung nghiên cứu bổ sung đa dạng hóa các sản phẩm khăn 100% cotton vào thị trường Nhật Bản cũng như tại thị trường trong nước. Đây là tiền đề cho sự phát

triển bền vững theo đúng định hướng phát triển dài hạn trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và thế giới trong ngành sợi dệt.

11.11. Chiến lược kinh doanh

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Định vị thương hiệu Công ty bằng việc hoạch định chiến lược marketing năng động, tối ưu. Chú trọng công tác bảo vệ và phát triển thương hiệu, duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng doanh nghiệp, chính quyền các cấp để phát triển tốt hình ảnh doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi;
- Công ty định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm;
- Định hướng phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh. Công ty xây dựng chính sách lương thưởng cạnh tranh, các chế độ đãi ngộ cho nhân viên và người thân, các chính sách phát triển nghề nghiệp trên tinh thần cởi mở, hợp tác để người lao động yên tâm công tác.

❖ Chiến lược phát triển trong giai đoạn 2021-2025:

- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất sợi
- Cung cấp những sản phẩm chất lượng với giá cả cạnh tranh;
- Chú trọng việc xây dựng quan hệ đối tác lâu dài với cả khách hàng và nhà cung ứng;
- Không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật và tay nghề của người lao động

❖ Chiến lược phát triển đến năm 2030:

- Với lĩnh vực sản xuất sợi: phấn đấu trở thành công ty sản xuất sợi cotton hàng đầu Việt Nam
- Với lĩnh vực sản xuất khăn: phấn đấu trở thành thương hiệu uy tín tại thị trường Nhật Bản cũng như thị trường trong nước
- Cung cấp những sản phẩm chất lượng với giá cả cạnh tranh;
- Chú trọng việc xây dựng quan hệ đối tác lâu dài với cả khách hàng và nhà cung ứng;
- Không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật và tay nghề của người lao động

❖ Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Hoạt động sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường, luôn cải tiến, đổi mới công nghệ sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm hao phí nguyên vật liệu và giảm chất thải ra môi trường;
- Tuân thủ đúng các quy định pháp luật về an toàn lao động, đảm bảo quyền lợi, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động;
- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, đóng góp cho sự phát triển của xã hội, nâng cao uy tín doanh nghiệp.

❖ Định hướng thực hiện:

- Về nguồn vốn: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng vốn an toàn và hiệu quả;
- Về nguồn lực dự kiến: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo; xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động;
- Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và khách hàng;
- Về công nghệ: thường xuyên cập nhật công nghệ sản xuất mới với hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao;
- Về quản trị điều hành: nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

11.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng không hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

12. Chính sách đối với người lao động**12.1. Số lượng người lao động trong Công ty**

Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và bố trí sử dụng lao động của Công ty luôn được quan tâm. Tổng số lao động đến thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2021 của Công ty lần lượt là 190 người và 174 người. Cơ cấu lao động được thể hiện như sau:

Bảng số 14: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày năm 2019, năm 2020, và năm 2021

STT	Phân loại lao động	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
I	Phân theo trình độ lao động	140	190	174
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	10	10	10
2	Trình độ Cao đẳng	15	30	30
3	Trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật	25	50	50
4	Lao động phổ thông	90	100	84
II	Phân theo thời hạn HĐLĐ	140	190	174
1	Lao động thường xuyên	140	190	174
2	Lao động thời vụ	00	00	00
III	Phân theo giới tính	140	190	174
1	Nam	98	139	122
2	Nữ	42	51	52

(Nguồn: SVD)

12.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

- Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ Lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

+ Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
+ Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.

+ Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.

+ Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 02 ngày.

- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Công ty có xây dựng một Quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đổi mới lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

❖ Chính sách lương và thưởng:

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV Công ty còn nhận được phụ cấp liên quan. Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

12.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:

Không có.

13. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để

trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật. Căn cứ kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định.

Trong các năm vừa qua, tuy hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được những kết quả nhất định nhưng do Công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng và phát triển, vì vậy nguồn lợi nhuận sau thuế chủ yếu được dùng tập trung cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Đại hội đồng cổ đông Công ty thống nhất không chi trả cổ tức trong những năm qua.

14. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 02 năm liên tục tính đến thời điểm đăng ký chào bán, Công ty đã thực hiện 01 lần chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty. Cụ thể, năm 2019, SVD đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 52 tỷ đồng lên 129 tỷ đồng theo phương thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 29.03.2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2019. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3	Mệnh giá cổ phiếu	100.000 VND/cổ phiếu
4	Giá phát hành	100.000 VND/cổ phiếu
5	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	520.000 cổ phiếu
6	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	770.000 cổ phiếu
7	Tổng số lượng vốn huy động	77.000.000.000 VND
	<i>Giai đoạn 1</i>	<i>10.000.000.000 VND</i>
	<i>Giai đoạn 2</i>	<i>13.000.000.000 VND</i>
	<i>Giai đoạn 3</i>	<i>20.000.000.000 VND</i>
	<i>Giai đoạn 4</i>	<i>34.000.000.000 VND</i>
8	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu của Công ty
9	Phương án sử dụng vốn	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng
10	Vốn điều lệ trước phát hành	52.000.000.000 VND
11	Vốn điều lệ sau phát hành	129.000.000.000 VND

Giai đoạn 1: Tăng vốn từ 52 tỷ đồng lên 62 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý: Theo phương án tăng vốn điều lệ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 29.03.2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2019 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01.04.2019/NQ-HĐQT ngày 01/04/2019 thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu giai đoạn 1 từ 52 tỷ đồng lên 62 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 52.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 62.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 06 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 06 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 04/2019
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn lần 3 - giai đoạn 1: 16/07/2019
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 100.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 10.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận: Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình.
- Tình hình sử dụng vốn thu được: Số tiền thu được từ tăng vốn được dùng để thanh toán nợ vay ngân hàng, trả nợ nhà cung cấp, đặt cọc mua máy móc thiết bị, nộp thuế.

Giai đoạn 2: Tăng vốn từ 62 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý: Nghị quyết HĐQT số 18.07.2019/NQ-HĐQT ngày 18/07/2019 thông qua kết quả của đợt tăng vốn giai đoạn 1 từ 52 tỷ đồng lên 62 tỷ đồng và tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn 2 từ 62 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 62.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 75.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 06 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 06 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 07/2019
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn lần 3 - giai đoạn 2: 11/09/2019
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 130.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 13.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận: Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình.
- Tình hình sử dụng vốn thu được: Số tiền thu được từ tăng vốn được dùng để thanh toán nợ vay ngân hàng, trả nợ nhà cung cấp, thanh toán tiền điện, đặt cọc tiền thuê nhà xưởng.

Giai đoạn 3: Tăng vốn từ 75 tỷ đồng lên 95 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý: Nghị quyết HĐQT số 12.09.2019/NQ-HĐQT ngày 12/09/2019 thông qua kết quả của đợt tăng vốn giai đoạn 2 từ 62 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng và tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn 3 từ 75 tỷ đồng lên 95 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 75.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 95.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 06 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 06 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 09/2019
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn lần 3 - giai đoạn 3: 21/10/2019
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 200.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 20.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận: Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình.
- Tình hình sử dụng vốn thu được: Số tiền thu được từ tăng vốn được dùng để thanh toán nợ vay ngân hàng, trả nợ nhà cung cấp, thanh toán tiền điện, nộp thuế, tạm ứng tiền hàng.

Giai đoạn 4: Tăng vốn từ 95 tỷ đồng lên 129 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý: Nghị quyết HĐQT số 21.10.2019/NQ-HĐQT ngày 21/10/2019 thông qua kết quả của đợt tăng vốn giai đoạn 3 từ 75 tỷ đồng lên 95 tỷ đồng và tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn 4 từ 95 tỷ đồng lên 129 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 95.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 129.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 06 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 06 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 10/2019
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn lần 3 - giai đoạn 4: 24/12/2019
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 340.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 34.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận: Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình.
- Tình hình sử dụng vốn thu được: Số tiền thu được từ tăng vốn được dùng để thanh toán nợ vay ngân hàng, trả nợ nhà cung cấp, nộp tiền bảo hiểm xã hội, thanh toán tiền điện, gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Hiện nay Công ty có cam kết thuê hoạt động đối với khu đất như sau:

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Căn cứ pháp lý	Thực trạng sử dụng đất		Thời hạn thuê	Chi phí thuê/năm (đồng)	Hình thức đóng phí thuê đất
				Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)			
1	Thửa đất số 398, tờ bản đồ số 1, Cụm Công nghiệp Đông Phong, X. Đông Phong, H. Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	19.985,4	Giấy CN QSD đất số CK900773 do Sở TN&MT tỉnh Thái Bình cấp ngày 30/08/2019	(1) Xưởng sản xuất + Nhà kho (số 1)	6.342,2	49 năm	139.879.800	Trả tiền thuê đất hàng năm
				(2) Xưởng sản xuất + Nhà kho (số 2)	1.787			
				(3) Nhà hành chính	374,8			
				(4) Các hạng mục khác	13.089,7			

(Nguồn: SVD)

Theo hợp đồng trên, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày hết hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

17. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng số 15: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021 so với 2020
Tổng giá trị tài sản	312.592,65	432.304,00	370.482,64	- 14,3%
Doanh thu thuần	270.174,89	330.366,23	436.477,96	32,12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	9.609,10	7.792,27	14.673,62	88,31%
Lợi nhuận khác	-22,33	-1.689,45	50,26	-
Lợi nhuận trước thuế	9.586,77	6.102,81	14.723,88	141,26%
Lợi nhuận sau thuế	7.482,05	4.753,00	11.723,69	146,66%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức (%/ MG)	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

Năm 2020, Tổng tài sản và Doanh thu thuần của SVD đạt lần lượt là 432,3 tỷ đồng và 330,4 tỷ đồng. SVD cũng liên tục khẳng định được sự tăng trưởng tốt, mở rộng sản xuất và phân phối hàng hóa đến các thị trường mới. Do đó, trong năm 2020, tổng giá trị tài sản và doanh thu của Công ty đều tăng cao hơn so với năm 2019.

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty đạt 4,75 tỷ đồng, giảm 36,47% so với năm 2019. Nguyên nhân là do năm 2020, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế trong nước nói riêng đã phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực do dịch bệnh Covid-19. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xuất khẩu sợi sang Trung Quốc làm nguyên liệu cho các nhà máy dệt vải xuất khẩu sang châu Âu và châu Mỹ. Do đó, khi dịch bệnh bùng phát ở Trung Quốc, các nhà máy dệt phải tạm thời đóng cửa khiến hoạt động xuất khẩu sợi của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp, các đơn hàng xuất khẩu hầu hết bị gián đoạn, trì hoãn. Tháng 3 năm 2020, khi dịch bệnh đã dần được kiểm soát ở Trung Quốc thì tại các nước châu Âu và châu Mỹ, dịch bệnh bắt đầu bùng phát và có xu hướng lan rộng nhanh chóng. Các quốc gia, trong đó có Việt Nam buộc phải áp dụng các biện pháp giãn cách, cách ly xã hội nhằm hạn chế tối đa sự lây lan của dịch bệnh. Hoạt động xuất khẩu sợi của Công ty tiếp tục bị ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng gián tiếp do thị trường đầu ra của các nhà máy dệt tại Trung Quốc bị ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng trực tiếp do các biện pháp giãn cách xã hội trong nước. Đến tháng 10/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công

ty dần được khôi phục trở lại, các hợp đồng xuất khẩu bị trì hoãn bắt đầu được triển khai. Ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh đã làm tăng các chi phí đầu vào và chi phí hoạt động của Công ty.

Năm 2021, Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 32,12%, với giá trị đạt hơn 436,47 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đến hết năm 2021 đạt 11,72 tỷ đồng, tăng gấp khoảng 3 lần so với cùng kỳ năm trước và đã vượt kế hoạch cả năm 2021. Bên cạnh sự tăng trưởng mạnh từ doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ thì doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2021 của Công ty đạt 4,39 tỷ đồng và cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020 (chủ yếu là tới từ việc đánh giá lại do chênh lệch tỷ giá). Doanh thu tài chính tăng cũng là một trong các nguyên nhân khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng mạnh. Vì vậy, với tiềm năng của năm 2021, Công ty dự báo sẽ có lợi nhuận vượt trội hơn nhiều vào năm 2022.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

❖ Nhân tố thuận lợi:

- Chuỗi sản xuất phục hồi với đơn hàng truyền thống tăng trở lại: Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, ngành Dệt may Việt Nam được kỳ vọng quay lại mức kim ngạch xuất khẩu năm. Theo số liệu từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam 9 tháng năm 2021 đạt 29 tỷ USD, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 0,04% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Hàng may mặc đạt 21,7 tỷ USD, tăng 5%; vải đạt 1,8 tỷ USD, tăng 37,4%; xơ sợi đạt 4 tỷ USD, tăng 56,2%; vải không dệt đạt 557 triệu USD, tăng 77,3%; phụ liệu dệt may đạt 921 triệu USD, tăng 21,8%. Tổng kim ngạch nhập khẩu nguyên, phụ liệu đạt 18 tỷ USD, tăng 27,9% so với cùng kỳ năm 2020. Với kết quả trên, VITAS đánh giá, ngành vẫn giữ được mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ 2020 và gần bằng kim ngạch xuất khẩu cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, với kỳ vọng cuộc sống sẽ nhanh chóng ổn định trở lại sau thời gian dài nhu cầu của người dân bị kìm nén do giãn cách xã hội, dự báo nhu cầu mua sắm sẽ tăng trưởng trở lại mạnh mẽ hơn.

- Sản xuất sợi đang có xu hướng dịch chuyển từ Trung Quốc và các nước lân cận khác sang Việt Nam, từ đó có thể tận dụng được cơ hội về tiếp cận nguồn vốn, công nghệ sản xuất, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh và lao động có cơ hội được đào tạo, nâng cao tay nghề. Trong vòng 3 năm trở lại đây, ngành dệt may toàn cầu chứng kiến xu hướng dịch chuyển công xưởng sản xuất dệt may ra khỏi Trung Quốc do nước này đang dần đánh mất lợi thế do chi phí nhân công ngày càng cao và bất lợi về thuế nhập khẩu tại một số thị trường. Ngoài ra, với một số nước như lân cận như Myanmar, với tình hình căng thẳng chính trị ảnh hưởng tiêu cực đến ngành dệt may của nước này khi một số nhà máy dệt may bị đập phá, phóng hỏa. Vì vậy, các nhà bán lẻ sẽ e ngại đặt đơn hàng tại Myanmar mà sẽ tìm các quốc gia lân cận thay thế, trong đó có Việt Nam.

- Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực tháng 01/2019 và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) ký kết hồi tháng 06/2019 được kỳ vọng sẽ mở cánh cửa để hàng Việt Nam tiếp cận thị trường quy mô 1 tỷ người tiêu dùng, chiếm khoảng 40% GDP toàn cầu. Hai hiệp định trên đều có tốc độ cắt giảm thuế

nhanh và mạnh, là cơ hội để Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm của ngành dệt may đến các thị trường này với mức ưu đãi.

- Cơ hội từ các chính sách của Chính phủ như việc phê duyệt chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016-2025, trong đó có công nghiệp hỗ trợ dệt may với các sản phẩm được ưu tiên phát triển như: xơ thiên nhiên, bông, đay, gai, tơ tằm, chỉ may trong ngành dệt may, hóa chất.

- Công ty có đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực sợi, gắn bó lâu dài với Công ty; đội ngũ công nhân sản xuất thành thạo; hệ thống máy móc được đầu tư tiên tiến, hiện đại.

- Mạng lưới khách hàng lâu năm, ổn định và có uy tín.

❖ **Nhân tố khó khăn:**

- Dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra khiến cho các quốc gia áp dụng các biện pháp cách ly xã hội, phong tỏa, hạn chế đi lại nghiêm ngặt làm ảnh hưởng đến việc giao thương giữa các nước, đặc biệt TQ là quốc gia khởi phát của dịch bệnh cũng là thị trường xuất khẩu chính của Công ty. Ngoài ra, dịch bệnh Covid-19 còn ảnh hưởng, tác động đến kinh tế thế giới nói chung làm sụt giảm GDP toàn cầu, nguy cơ gây khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng chưa từng có.

- Tình hình chính trị của Trung Quốc với các quốc gia lớn khác trên thế giới ảnh hưởng tới tỷ giá giữa các đồng tiền, giá hàng hóa gia công tại Việt Nam cao hơn so với một số nước trong khu vực như Hàn Quốc, Trung Quốc dẫn tới ảnh hưởng đến các đơn hàng xuất khẩu, đặc biệt với nhóm hàng dệt may. Bên cạnh đó, việc tiêu thụ sợi và nguyên phụ liệu cũng gặp khó khăn vì thị trường xuất khẩu chủ lực là Trung Quốc cắt giảm lượng nhập hàng.

- Để được hưởng lợi từ các hiệp định CPTPP hay FTA thì ngành dệt may phải đáp ứng nghiêm ngặt các quy tắc xuất xứ từ vải, sợi....

- Đây là ngành sản xuất cần nguồn lực rất lớn, cả về vốn đầu tư cũng như con người; công nghệ trong ngành này cũng khó và liên tục thay đổi, thậm chí liên quan tới bí quyết công nghệ, ít doanh nghiệp có thể làm được;

- Trình độ công nghệ của ngành dệt may trong nước nói chung hiện nay vẫn chỉ ở mức trung bình so với thế giới, giá lao động đã không còn là lợi thế của Việt Nam khi mức lương cơ bản bình quân của người lao động đang có xu hướng tăng.

- Năm 2021, các doanh nghiệp dệt may đã trải qua nhiều đợt giãn cách xã hội do bùng phát trở lại dịch Covid-19 và đối mặt với sự thiếu hụt nguồn cung phụ liệu sản xuất khi các chuỗi cung ứng bị đứt gãy để dập tắt dịch bệnh. Hiệp hội Dệt may Việt Nam cho biết trong giai đoạn 1 của dịch bệnh, đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề là các doanh nghiệp vừa và nhỏ - chuyên sản xuất theo đơn đặt hàng. Đến khi các nhà sản xuất gượng dậy và khôi phục khoảng 60% hoạt động cung ứng nguyên phụ liệu thì tiếp đến các giai đoạn sau, dịch bệnh bùng phát mạnh hơn giai đoạn đầu khiến cho nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, người lao động mất việc và chuỗi cung ứng bị ảnh hưởng nặng nề.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2020

Việc bùng phát trở lại của dịch bệnh Covid-19 cũng như các quốc gia có giao dịch kinh doanh với Công ty sẽ khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, làm suy giảm tiêu dùng của người dân và xã hội và giảm sản lượng sản phẩm xuất nhập khẩu, từ đó trực tiếp ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chủ động chuẩn bị kịch bản tốt nhất để ứng phó với những biến động có thể tác động lớn tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên.

2. Tình hình tài chính

Các hoạt động tài chính luôn được Công ty cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng thực hiện một cách chính xác, đầy đủ, phản ánh trung thực về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ quy tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan. Công ty xem việc hoạt động đúng các quy định pháp luật là trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của một tổ chức hoạt động kinh doanh chân chính.

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

❖ Báo cáo về Vốn điều lệ:

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng được thành lập ngày 05/04/2013. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600986828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 05/04/2013, vốn điều lệ của SVD là 5 tỷ đồng. Từ năm 2017 đến nay, Công ty đã thực hiện 3 lần tăng vốn và được Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 09/10/2021. Vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng đến thời điểm hiện nay là 129.000.000.000 đồng.

Bảng số 16: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn điều lệ	129.000.000.000	129.000.000.000	129.000.000.000

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

❖ Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty:

Bảng số 17: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I. Vốn chủ sở hữu	139.761.899.465	144.514.899.216	151.412.808.943

1. Vốn góp của chủ sở hữu	129.000.000.000	129.000.000.000	129.000.000.000
2. LNST chưa phân phối	10.761.899.465	15.514.899.216	27.238.592.229
II. Nợ phải trả	172.830.751.055	287.789.100.069	214.244.045.069
1. Nợ ngắn hạn	84.595.127.459	148.459.107.426	88.637.263.754
2. Nợ dài hạn	88.235.623.596	139.329.992.643	125.606.791.315
Tổng nguồn vốn kinh doanh	312.592.650.520	432.303.999.285	370.492.637.299

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

❖ Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty:

Bảng số 18: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1. Tài sản ngắn hạn	155.933.905.597	183.207.669.945	141.333.026.235
2. Tài sản dài hạn	156.658.744.923	249.096.329.340	229.149.611.063

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

Tình hình sử dụng vốn: Công ty cam kết sử dụng vốn hiệu quả, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trả nợ vay ngân hàng và nhà cung cấp theo đúng mục đích chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng đợt phát hành.

b) Trích khấu hao tài sản cố định:

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 12
- Phương tiện, vận tải	05 - 08
- Thiết bị văn phòng	05 - 07

(Nguồn: SVD)

c) Mức lương bình quân

Bảng số 19: Mức lương bình quân của người lao động SVD qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Mức lương bình quân/người/tháng (đồng)	6.000.000	7.500.000	7.000.000

(Nguồn: SVD)

Công ty thực hiện so sánh mức lương bình quân hàng tháng của một số doanh nghiệp có cùng ngành nghề kinh doanh chính với Công ty và hiện đang giao dịch/niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán như sau:

Mức lương bình quân/người/tháng (đồng)	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
CTCP Vải sợi Miền Bắc (Mã CK: TET)	7.423.002	7.408.900	7.694.000
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (Mã CK: SPB)	7.600.000	9.000.000	9.000.000

(Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2020 của TET và SPB)

Mức lương bình quân của người lao động Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng ở mức trung bình so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

d) Tình hình công nợ

Tổng nợ phải thu tính đến ngày 31/12/2021 là: 76.365.934.447 đồng

Tổng nợ phải trả tính đến ngày 31/12/2021 là: 214.244.045.069 đồng

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1. Tổng số nợ phải thu	70.241.131.543	118.299.112.894	76.365.934.447
2. Tổng số nợ phải trả	172.830.751.055	287.789.100.069	214.244.045.069

(Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

❖ Các khoản phải thu:**Bảng số 20: Số dư các khoản phải thu Công ty**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	67.778.761.543	115.836.742.894	76.365.934.447
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25.922.476.435	114.715.429.327	67.359.950.969
Trả trước cho người bán ngắn hạn	41.856.285.108	1.107.459.320	8.862.364.736
Phải thu ngắn hạn khác	-	13.854.247	743.719.342
2. Các khoản phải thu dài hạn	2.462.370.000	2.462.370.000	-
Phải thu dài hạn khác	2.462.370.000	2.462.370.000	-
Tổng cộng	70.241.131.543	118.299.112.894	76.365.934.447

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

Khoản phải thu của SVD đến thời điểm 31/12/2020 là hơn 118 tỷ đồng, tăng hơn 68% so với năm 2019, trong đó chủ yếu đến từ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, chiếm tỷ trọng trung bình khoảng 96% tổng khoản phải thu.

Tại thời điểm kết thúc năm 2021, tổng các khoản phải thu của SVD là 76,36 tỷ đồng, giảm 35,45% so với đầu năm. Trong đó, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 67,36 tỷ đồng, chiếm phần lớn tỷ trọng. Các khách hàng có khoản phải thu lớn đối với Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Vượng (57,21 tỷ đồng), Công ty Xiamen port commerce information (5,58 tỷ đồng), Công ty Hongkong Lumena International (2,03 tỷ đồng), Công ty TNHH TM Mai Phương Vy (2,20 tỷ đồng). Trong đó, khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Vượng, đến thời điểm lập báo cáo Quý IV, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Vượng đã trả một phần công nợ và đang còn nợ hơn 20 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Vượng không phải là công ty có quan hệ với Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành của Công ty cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng.

Công ty hiện không có các khoản phải thu quá hạn thanh toán.

❖ **Các khoản phải trả:**

Bảng số 21: Các khoản phải trả Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1. Nợ ngắn hạn	84.595.127.459	148.459.107.426	88.637.263.754
Phải trả người bán ngắn hạn	595.060.218	48.580.736.629	7.796.550.965
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.926.676.072	1.644.454.760	113.562.047
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.099.279.365	1.240.133.037	2.909.347.918
Phải trả người lao động	913.082.378	1.336.265.358	2.518.235.171
Chi phí phải trả ngắn hạn	212.688.494	277.034.800	223.221.930
Phải trả ngắn hạn khác	-	11.640.000	1.600.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	74.848.340.932	95.368.842.842	73.571.345.923
2. Nợ dài hạn	88.235.623.596	139.329.992.643	125.606.791.315
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	88.235.623.596	139.329.992.643	125.606.791.315
Tổng cộng	172.830.751.055	287.789.100.069	214.244.045.069

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

Tại ngày 31/12/2021, tổng các khoản phải trả của Công ty là 214,24 tỷ đồng, giảm 25,56% so với đầu năm. Trong đó, khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm mạnh từ 48,58 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2020 xuống còn 7,79 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2021, tương đương mức giảm là 83,95%, chủ yếu tới từ việc Công ty đã thanh toán xong các nghĩa vụ nợ phải trả với các đối

tác lớn như: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại SHP (10,78 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại JELKA (24,19 tỷ đồng) và các đối tác nhỏ khác (tổng cộng gần 10 tỷ đồng).

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng không có các khoản nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán và không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

❖ Tình hình thanh toán các khoản nợ:

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng luôn thanh toán đầy đủ các khoản nợ và vay (đúng hạn lãi và gốc), không có khoản nợ nào quá hạn. Vì vậy, việc xếp hạng của Công ty tại các Ngân hàng thương mại hàng năm đều ở mức cao. Trong đại dịch Covid-19 vừa qua, trong khi một số doanh nghiệp cùng ngành phải cơ cấu nợ thì Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ vay đến hạn, duy trì sự tín nhiệm ở mức cao và nhận được nhiều ưu đãi về chế độ hạn mức cùng lãi suất tiền vay từ các ngân hàng thương mại có quan hệ với Công ty. Hiện tại Công ty không có khoản nợ nào quá hạn.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty không phát sinh trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết.

e) Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc nộp các khoản thuế (Giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp...) các khoản phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước. Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty luôn tuân thủ và nộp đúng hạn các khoản phải nộp Nhà nước theo quy định.

Bảng số 22: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.067.338.831	1.240.133.037	2.795.819.391
Thuế thu nhập cá nhân	31.940.534	-	12.529.527
Cộng	2.099.279.365	1.240.133.037	2.909.347.919

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

g) Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh và đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty cũng như quy định của pháp luật hiện hành. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua tuy đạt hiệu quả nhưng Công ty đang tập trung nguồn tài trợ cho hoạt động đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nên ĐHCĐ đã thống nhất việc chưa trích lập quỹ trong thời gian này. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa tiến hành trích lập quỹ. Việc chưa trích lập quỹ không vi phạm Điều lệ của Công ty cũng như quy định của pháp luật hiện hành. Trong thời gian tới, khi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đi vào ổn định, Công ty sẽ tiến hành trích lập các quỹ theo quy định.

h) Tình hình công nợ

Bảng số 23: Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	74.848.340.932	95.368.842.842	73.577.345.923
1. Tiền VND	43.500.000.000	43.059.889.857	40.226.162.408
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	43.500.000.000	43.059.889.857	40.226.162.408
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	10.197.813.625	11.165.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.867.813.625	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8.330.000.000	11.165.000.000	-
3. Tiền USD	21.150.527.307	41.143.952.985	33.351.183.515
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	21.150.527.307	41.143.952.985	33.351.183.515
II. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	88.235.623.596	139.329.992.643	125.606.781.315
1. Tiền VND	88.235.623.596	139.329.992.643	125.606.781.315
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	88.235.623.596	139.329.992.643	125.606.781.315
TỔNG CỘNG	163.083.964.528	234.698.835.485	199.184.127.238

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng đảm bảo có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn. Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

i) Hàng tồn kho:

Bảng số 24: Số dư hàng tồn kho của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1. Nguyên liệu, vật liệu	36.686.513.016	39.060.734.871	28.505.130.167
2. Công cụ, dụng cụ	1.940.646.901	3.140.901.048	481.819.489
3. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.208.911.490	1.435.022.689	1.320.298.517
4. Thành phẩm	13.331.270.670	6.422.980.615	18.696.330.276
5. Hàng gửi đi bán	6.296.506.856	3.720.023.404	4.856.670.748

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Tổng cộng	59.463.848.933	53.779.662.627	53.869.249.197

(Nguồn: BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và BCTC tự lập năm 2021 của SVD)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021: 0 VND.

k) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty trong năm 2021 có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của Công ty. Theo kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phần vốn chào bán mới được sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay ngân hàng, bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, do đó, giúp Công ty giảm bớt áp lực sử dụng vốn vay, cải thiện các chỉ tiêu tài chính của Công ty.

Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 vẫn còn tiếp tục diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, đặc biệt là sự xuất hiện của các biến chủng mới dẫn tới ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường xuất nhập khẩu cũng như hành vi tiêu dùng trong nước, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, việc thúc đẩy sản xuất và tiêm chủng vaccine ngừa Covid-19 của các quốc gia trên thế giới có thể sẽ mang lại hiệu quả cho các nền kinh tế, tăng dần nhu cầu tiêu dùng trong tương lai. Công ty cũng cần chủ động chuẩn bị kịch bản tốt nhất để ứng phó với những biến động có thể tác động lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 25: Chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,84	1,23	1,59
Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1,14	0,87	0,98
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	55,29	66,57	57,83
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	123,66	199,14	137,12
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,61	5,35	7,33
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,06	1,29	1,08

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$				
Vòng quay vốn lưu động $\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$	Lần	2,49	1,95	2,69
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,77	1,44	2,68
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	7,75	3,34	7,79
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	2,93	1,28	2,92
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,56	2,36	3,36
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.074,77	368,45	909

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán của SVD và BCTC tự lập quý 4 năm 2021)

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán TTP tại Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán số 361/BCKT-TC ngày 07/09/2020.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo này phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán độc lập số 61/BCKT-TC ngày 18 tháng 02 năm 2020 do bổ sung thêm thuyết minh V.17. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán TTP tại Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán số 198/BCKT-TC ngày 25/03/2021:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán TTP tại Báo cáo tài chính bán niên 2021 được soát xét số 365/BCKT-TC ngày 10/08/2021:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phải ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho

kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Bảng số 26: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Kế hoạch năm 2021		Thực hiện năm 2021
			Giá trị	% tăng giảm so với 2020	
Vốn điều lệ	Tr. đồng	129.000	258.000	100%	129.000
Doanh thu thuần	Tr. đồng	330.366	370.000	12,00%	436.477
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	4.753	5.500	15,72%	11.723
Tỷ lệ LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,44	1,49	3,47%	2,68
Tỷ lệ LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	3,68	2,13	-42,12%	9,08
Cổ tức dự kiến	%	0	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của SVD)

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2020 và chưa thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 của công ty.

Công ty chưa tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 để thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 và chi trả cổ tức của năm 2021.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch kinh doanh trong năm 2021 sắp tới được xây dựng dựa trên các giả định chắc chắn và mang tính thận trọng cao về tình hình kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng của Công ty.

- Tổ chức triển khai sản xuất kinh doanh theo hướng khai thác công suất cao nhất của nhà máy, đảm bảo chất lượng tốt nhất và tiết kiệm chi phí tối đa, nhằm duy trì sản lượng ổn định và thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị ở mức an toàn.

- Kiểm soát nguồn tiền, sử dụng nguồn tiền một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận của Công ty.

- Kiểm soát nợ phải thu, trong hạn, quá hạn. Có kế hoạch thu hồi nợ đúng như cam kết trong hợp đồng, không để phát sinh các khoản nợ khó đòi rủi ro cho Công ty.

- Theo dõi thị trường để có các điều chỉnh kịp thời về giá cả, kế hoạch vật tư, đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất.

- Cán bộ công nhân viên được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo hội tụ đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc

theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển.

- Trong năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc đầu tư xây dựng cơ bản thuộc dự án mở rộng nhà máy sản xuất sợi, nâng công suất lên 7.721 tấn/sợi, gấp gần 2 lần so với công suất ban đầu. Đây là tiền đề quan trọng cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh, gia tăng doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2021. Hoạt động kinh doanh sợi là hoạt động mang lại doanh thu và lợi nhuận chính của Công ty, trong đó chủ yếu là hoạt động xuất khẩu sợi sang thị trường Trung Quốc. Do đó, các diễn biến tại thị trường Trung Quốc đều có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Từ những tháng cuối năm 2020, dịch bệnh đã dần được kiểm soát tại Trung Quốc, các nhà máy, xí nghiệp mở cửa hoạt động trở lại đã tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh của Công ty được khôi phục trở lại. Theo số liệu tại BCTC tự lập Quý 3 năm 2021, tổng doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2021 đạt 323,77 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 6,90 tỷ đồng, hoàn thành 87,5% kế hoạch doanh thu và đã vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm. Với những kết quả kinh doanh đã đạt được trong 9 tháng đầu năm 2021, Ban lãnh đạo tin tưởng Công ty hoàn toàn có thể hoàn thành nốt kế hoạch doanh thu đã đặt ra.

4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng. Công ty cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục với chiến lược mở rộng, gia tăng thị phần, đẩy mạnh bán hàng để trở thành một thương hiệu mạnh, uy tín và có danh tiếng trong ngành dệt may. Vì vậy, Công ty đã đặt ra kế hoạch kinh doanh với doanh thu thuần đạt 370 tỷ đồng, tổng lợi nhuận sau thuế là 5,5 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng dự kiến trong năm 2021 là phù hợp nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng khác tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, ngoại trừ ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 do ban lãnh đạo Công ty đã cân nhắc đến yếu tố này khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi ra quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

“Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600986828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Thái Bình cấp lần đầu ngày 05/04/2013. Do đó, toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 05/04/2013 đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 05/04/2016.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Danh sách cổ đông lớn (CDL) nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng tại ngày 20/12/2021:

TT	Tên Cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Thông tin về số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông lớn						Các lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành
				Số lượng cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (%)			
				Số cổ phần nắm giữ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Dự kiến sau chào bán (*)	Tại thời điểm trở thành CDL	Hiện tại	Dự kiến sau chào bán (*)	
1	Vũ Tuấn Phương	1976	Việt Nam	6.579.000	6.579.000	13.158.000	51	51	51	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Tổng cộng				6.579.000	6.579.000	13.158.000	51	51	51	

(Nguồn: Báo cáo giao dịch của cổ đông lớn đến ngày 20/12/2021)

(*) Giả sử tất cả các cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông của Công ty đều thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 1:1, dự kiến tổng số lượng cổ phiếu của Công ty sau phát hành là 25.800.000 cổ phiếu.

- Thông tin về số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan của cổ đông lớn:
- + Thông tin về số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan của ông Vũ Tuấn Phương tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán: Không có
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa

Tổ chức phát hành với cổ đông lớn là cá nhân và người có liên quan:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với ông Vũ Tuấn Phương và người có liên quan: Tạm ứng và hoàn tam ứng chi tiết tại mục 31.b phần VI Bản cáo bạch.
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành:
 - + Lợi ích liên quan của ông Vũ Tuấn Phương với tổ chức phát hành: Thông tin tại mục 3 phần VI Bản cáo bạch.
 - Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:
 - + Lợi ích liên quan của ông Vũ Tuấn Phương tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Thông tin tại mục 3 phần VI Bản cáo bạch.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Mai Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Vũ Tuấn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Vũ Anh Lương	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà Hoàng Thu Hương	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

(Nguồn: SVD)

a) Ông Mai Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Mai Anh Tuấn**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 20/01/1972
- Nơi sinh: Phường Tràng Thi, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 162119515, Ngày cấp: 21/05/2008, Nơi cấp: CA Nam Định
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 4/3 Giải Phóng, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành kéo sợi

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 - 2013	Công ty TNHH Bình Minh (Bitexco)	Cán bộ Kỹ thuật sợi
2013 - 04/2018	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Quản đốc phân xưởng
05/2015 - 03/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Thành viên HĐQT
05/2018 - 03/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Phó Giám đốc
04/2020 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phiếu, chiếm 0,23% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Mai Anh Tuấn và những người có liên quan của Ông Tuấn: Không.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	124.000.000	251.500.000	120.240.000	194.240.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với

Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

b) Ông Vũ Tuấn Phương - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Vũ Tuấn Phương**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 22/12/1976
- Nơi sinh: Chí Tiên, Thanh Ba, Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 02507600008, Ngày cấp: 09/04/2013, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: TTF361, Xuân Đình, Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT Công ty kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 03/2003	Công ty Bảo hiểm PJico	Nhân viên
2003 - 03/2008	Công ty Vạn Tường	Giám đốc chi nhánh
04/2008 - 2013	Công ty Bảo hiểm MIC	Phó Tổng Giám đốc
11/2010 - 11/2017	CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Vượng	Giám đốc
2013 - 11/2017	CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Phó Giám đốc
12/2017 - 03/2020	CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Giám đốc
05/2015 - 03/2020	CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Chủ tịch HĐQT
04/2020 - nay	CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 6.579.000 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số CCCD/CMND/ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Anh Lương	Bố đẻ	Thành viên HĐQT	025052000008	Tập thể F361, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội	0
2	Vũ Hoàng Nam	Em trai	Phó TGD, Người phụ trách quản trị công ty, Người được UQ CBTT	012566463	P1006, CT3D, KĐT Nam Cường, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Vũ Tuấn Phương và những người có liên quan của Ông Phương:

TT	Tên Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung Hợp đồng/ giao dịch	31/12/2020 (đồng)	30/09/2021 (đồng)	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Ông Vũ Tuấn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	Tạm ứng	300.000.000	0	Tổng Giám đốc
			Hoàn tạm ứng	300.000.000	0	

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	279.000.000	480.900.000	228.012.000	439.012.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

c) Ông Vũ Anh Lương - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Vũ Anh Lương**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 16/09/1952
- Nơi sinh: Chí Tiên - Thanh Ba - Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 025052000008, Ngày cấp: 13/12/2012, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tập thể F361, Xuân đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1969 - 1976	Đại đội trưởng Bộ đội chống Mỹ	
1976 - 1990	Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Chuyên Viên
1990 - 2012	Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng	Vụ trưởng
10/2012 - nay	Nghỉ hưu	
14/12/2017 - 25/12/2017	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Linh Khoa	Giám đốc
05/2015 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 6.579.000 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức

phát hành:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số CCCD/CMN D/ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Tuấn Phương	Con trai	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	025076000008	TTF361, Xuân Đỉnh, Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.579.000 CP, tỷ lệ 51%
2	Vũ Hoàng Nam	Con trai	Phó Tổng Giám đốc	012566463	P1006, CT3D, KĐT Nam Cường, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Vũ Văn Lương và những người có liên quan của Ông Lương: Không.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	0	40.000.000	20.000.000	40.000.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

d) Bà Hoàng Thu Hương - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Hoàng Thu Hương
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 10/11/1979
- Nơi sinh: Xã Quang Hưng, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 151269008, Ngày cấp: 25/04/2011, Nơi cấp: CA Thái Bình
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 23/1/4 đường Doãn Khuê, tổ 17, phường Phú Khánh, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện đang công tác tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
5/2004 - 03/2008	Công ty TNHH Huy Thành	Nhân viên kế toán
4/2008 - 11/2017	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Vượng	Kế toán trưởng
11/2017 - 06/2020	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Kế toán trưởng
05/2015 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phiếu, chiếm 0,23% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 4.300 cổ phiếu, chiếm 0,033% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số CCCD/CMND/ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Văn Tài	Chồng	Không	151210679	SN23/1/4, đường Doãn Khuê, tổ 17, P. Phú Khánh, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	4.300 CP, tỷ lệ 0,033%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện

giữa Tổ chức phát hành với Bà Hoàng Thu Hương và những người có liên quan của Bà Hương: Không.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	104.000.000	206.700.000	99.480.000	172.480.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không
 - Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

e) Bà Nguyễn Thị Mai - Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Mai**
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày, tháng, năm sinh: 27/04/1983
 - Nơi sinh: Đô Lương, Đông Hưng, Thái Bình
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Số CCCD: 034183006255, Ngày cấp: 25/10/2016, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

- Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Vũ Ninh, Kiến Xương, Thái Bình
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ kéo sợi
 - Chức vụ hiện đang công tác tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Phòng kỹ thuật tại Công ty TNHH Bình Minh (Bitexco)

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - 2015	Công ty TNHH Bình Minh (Bitexco)	Nhân viên kỹ thuật
2015 - nay	Công ty TNHH Bình Minh (Bitexco)	Phó Phòng kỹ thuật
05/2015 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 350 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ

- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Bà Nguyễn Thị Mai và những người có liên quan của Bà Mai: Không.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	0	40.000.000	20.000.000	40.000.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

3.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Bà Đoàn Thị Vui	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Phạm Thị Phượng	Thành viên Ban kiểm soát	
Ông Bùi Đình Tiệp	Thành viên Ban kiểm soát	

(Nguồn: SVD)

a) Bà Đoàn Thị Vui - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Đoàn Thị Vui
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 25/01/1990
- Nơi sinh: Trục Khanh, Trục Ninh, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 036190000248, Ngày cấp: 06/04/2015, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thái Giang, Thái Thụy, Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện đang công tác tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 - 2013	Công ty TNHH Hưng Thịnh	Nhân viên Kế toán
2013 - 2016	Công ty TNHH Hưng Thịnh	Phó phòng Kế toán
2016 - 04/2018	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Phó phòng Kế toán
05/2018 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 350 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Bà Đoàn Thị Vui và những người có liên quan của Bà Vui: Không.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	0	24.000.000	12.000.000	24.000.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

b) Bà Phạm Thị Phương - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Phạm Thị Phương
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 08/01/1988
- Nơi sinh: Liên Minh, Vụ Bản, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 036188008138, Ngày cấp: 04/10/2019, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, P. Tiền Phong, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện đang công tác tại Tổ chức phát hành: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên kế toán tại Công ty cổ phần Vghau.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 - nay	Công ty Cổ Phần Vghau	Nhân viên kế toán
05/2018 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 100 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Bà Phạm Thị Phương và những người có liên quan của Bà Phạm Thị Phương: Không.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021	Năm 2021 (đồng)

				(đồng)	
1	Thù lao, tiền lương	0	16.000.000	8.000.000	16.000.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

c) Ông Bùi Đình Tiệm - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Bùi Đình Tiệm
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 07/10/1987
- Nơi sinh: Vũ Chính - TP. Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 034087010823, Ngày cấp: 09/04/2013, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: E1 Thôn Quyển, xã Vũ Chính, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện đang công tác tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2011 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Nhân viên kinh doanh
06/2021 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 100 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Bùi Đình Tiệm và những người có liên quan của Ông Tiệm:

Không.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	84.000.000	84.000.000	42.000.000	84.000.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

3.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Vũ Tuấn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Mai Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Khánh Linh	Kế toán trưởng	

(Nguồn: SVD)

a) Ông Vũ Tuấn Phương - Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

Thông tin SYLL Tổng Giám đốc xem mục SYLL thành viên Hội đồng quản trị.

b) Ông Mai Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT

Thông tin SYLL Phó Tổng Giám đốc xem mục SYLL Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c) Ông Vũ Hoàng Nam - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Vũ Hoàng Nam
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 22/06/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 012566463; Nơi cấp: Công an Hà Nội; Ngày cấp: 22/04/2011
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P1006, CT3D, KĐT Nam Cường, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, HN
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ hiện đang công tác tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc kiêm Người được ủy quyền CBTT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2009 - 8/2019	Công ty Vạn Tường - Quân khu 5	Giám đốc
9/2019 - 03/2020	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Phó Giám đốc
04/2020 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Phó Tổng Giám đốc
05/2020 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Người được ủy quyền CBTT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 6.579.000 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số CCCD/ CMND/ ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Anh Lương	Bố	Thành viên HĐQT	025052000008	Tập thể F361, Xuân Đỉnh, Từ Liêm, HN	0
2	Vũ Tuấn Phương	Anh trai	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	025076000008	Tân Xuân 1, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	6.579.000 CP, tỷ lệ 51%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Vũ Hoàng Nam và những người có liên quan của Ông Nam: Không.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	21.000.000	195.500.000	92.240.000	194.240.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

d) Bà Trần Thị Khánh Linh - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Trần Thị Khánh Linh
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 15/10/1998
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 152228386, Ngày cấp: 25/04/2013, Nơi cấp: CA Thái Bình
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Đông Quang - Đông Hưng - Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện đang công tác tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2020 - 06/2021	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Nhân viên kế toán
07/2021 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Kế toán trưởng

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 0 nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Bà Trần Thị Khánh Linh và những người có liên quan của bà Linh: Không.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	0	13.000.000	48.000.000	96.000.000
2	Các lợi ích khác	0	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.

- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 12.900.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 129.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

(Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VĐ ngày 24/06/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng).

6. Phương pháp tính giá

Mức giá cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu xác định trên cơ sở so sánh với giá trị sổ sách, tình hình thị trường chung và các yếu tố khác ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán:

$$\text{Giá trị sổ sách/ 01 cổ phiếu} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty là:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu SVD} = \frac{144.514.899.216}{12.900.000} = 11.203 \text{ đồng}$$

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời để bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông hiện hữu và nâng cao khả năng chào bán thành công, căn cứ giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty nên SVD chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá là

10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

- Việc phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền mua.

- Đối tượng chào bán: ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định. Thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ do Hội đồng quản trị Công ty thông báo sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán.

- Công ty thực hiện chào bán cho cổ đông hiện hữu 12.900.000 cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 (*nghĩa là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị*). Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được phân bổ quyền mua.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu SVD tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, tương ứng với 100 quyền mua, theo tỷ lệ thực hiện quyền 1:1 thì cổ đông A được mua 100 cổ phiếu chào bán.

❖ Quy định về việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:

- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ chuyển nhượng 01 lần (không chuyển nhượng cho người thứ ba).

❖ Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết:

- Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ 1:1 nên không có cổ phiếu lẻ.

- Số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phát sinh (nếu có) sẽ do HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác với giá phát hành không thấp hơn mức giá phát hành cho các cổ đông hiện hữu đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu của cổ đông được Hội đồng quản trị phân phối cổ phiếu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 thì phải đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Số cổ phiếu chưa phân phối hết sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn số cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này sẽ được hủy và HĐQT ra quyết định khi kết thúc đợt phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu chào bán:

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu chào bán phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong nội dung tại bản Thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho các cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu chào bán:

Trong thời hạn tối thiểu 20 ngày kể từ ngày quyền mua cổ phiếu chào bán có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện sẽ hết hiệu lực.

- Chuyển giao cổ phiếu:

Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đối với các cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: việc chuyển giao cổ phiếu được thực hiện theo quy định của VSD tại các công ty chứng khoán thành viên nơi cổ đông mở tài khoản.

+ Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phiếu: trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, SVD sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại trụ sở chính của SVD.

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức thành công tối thiểu: Không áp dụng.

- Quyền lợi của người mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác theo giá thỏa thuận của hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

- Lưu ý: Trong thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua theo quy định, các cổ đông không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Việc phân phối cổ phiếu được thực hiện trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày và thời gian gia hạn chào bán (nếu cần) kể từ ngày Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu có hiệu lực. Trong các trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối cổ

phiếu trong thời gian này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu nhưng tối đa không quá 30 ngày.

- Dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu chào bán như sau:

TT	Công việc	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Ngày giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu có hiệu lực	D
2	Gửi thông báo chốt danh sách cổ đông tới VSD chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu	D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số báo liên tiếp	D đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+15
5	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông	D+16
6	Tổng hợp Danh sách cổ đông để thực hiện phân bổ quyền mua cổ phần	D+22
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu	D+ 22 đến D+50
8	Tổng hợp số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đặt mua hết để phân phối tiếp theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT	D+50 đến D+60
9	<ul style="list-style-type: none"> – Báo cáo UBCKNN kết quả đợt chào bán, công bố thông tin theo quy định. – Nộp Hồ sơ đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung 	D+65
10	Nhận Giấy phép Đăng ký chứng khoán bổ sung và Đăng ký niêm yết bổ sung	D+75
11	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký	D+75 đến D+85
12	Giao dịch cổ phiếu chào bán thêm	D+85

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc được nhận chuyển nhượng quyền mua thông qua chào bán là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác theo giá thỏa thuận của hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần trong thời gian quy định được SVD thông báo. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba.

- Số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phát sinh (nếu có) được

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần, chi tiết như sau:

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
- Số tài khoản: 1019519060
- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thái Bình

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, vì vậy, đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn của Tổ chức phát hành không cần lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán không sử dụng cho mục đích thực hiện dự án nên không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 70%.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Theo quy định của pháp luật, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty được xác định là 49%.

- Ngày 01/12/202, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 8042/UBCK-PTTT về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 49%.

- Tại thời điểm ngày 20/12/2021, số lượng cổ phiếu do cổ đông nước ngoài sở hữu là 155.100 cổ phiếu, tương đương 1,2% vốn điều lệ của Công ty.

- Khi thực hiện phân phối cổ phiếu, SVD thông báo chào bán và thực hiện chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm theo quy định. Căn cứ tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực tế tại ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, trường hợp chào bán tiếp cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết, Hội đồng quản trị Công ty sẽ thực hiện chào bán cho các nhà đầu tư khác theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%. Công ty cam kết thực hiện việc chào bán cổ phiếu ra công chúng đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.

15. Các loại thuế có liên quan

- Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán và quyền mua cổ phiếu chào bán: Thực hiện Theo Luật 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 của Bộ Tài chính.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Thuế Giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.
- Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.
- Đối với các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế và các chính sách về thuế theo quy định hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

16. Thông tin về các cam kết

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng cam kết thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán theo quy định của pháp luật.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VĐ ngày 24/06/2021 và Nghị quyết HĐQT số 07/2021/NQ-HĐQT-SVD ngày 14/10/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được Công ty sử dụng cho các mục đích sau: (1) Thanh toán các khoản nợ vay ngân hàng; (2) Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; (3) Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán các khoản nợ vay ngân hàng, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Thời gian thanh toán dự kiến
1	Thanh toán nợ vay ngân hàng (Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm)	72.000.000.000	
-	Trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT360-VUDANG ký ngày 21/06/2021	26.000.000.000	Tháng 12/2021 - Quý I/2022
-	Trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2018-HĐCVDAĐT/NHCT360-VUDANG ký ngày 20/04/2018	46.000.000.000	Quý I/2022

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Thời gian thanh toán dự kiến
2	Đầu tư mua sắm máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	14.500.000.000	
-	Thanh toán cho CHINO MACHINERY INTERNATIONAL LIMITED theo Hợp đồng số 23/VD-HY/21 ký ngày 13/10/2021	14.500.000.000	Quý I/2022
3	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	42.500.000.000	
-	Thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Linh Khoa theo Hợp đồng số 28/LK - VD/2021 ký ngày 27/09/2021	19.049.000.000	Quý I/2022
-	Thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Mỹ Trang theo Hợp đồng số 08/HĐMB/MT-VĐ ký ngày 01/10/2021	7.851.000.000	Quý I/2022
-	Thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Mỹ Trang theo Hợp đồng số 14/HĐMB/MT-VĐ ký ngày 06/10/2021	9.600.000.000	Quý I/2022
-	Thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Cửu Long theo Hợp đồng số 15/CL - VD/21 ngày 28/09/2021	6.000.000.000	Quý I/2022
	Tổng cộng	129.000.000.000	

Ngoài ra, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và căn cứ vào tình hình thực tế, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh mục đích sử dụng vốn đảm bảo hiệu quả nhất và theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Hội đồng quản trị sẽ quyết định điều chỉnh việc giải ngân số tiền thu được từ phát hành tùy thuộc vào thời hạn thanh toán của các hợp đồng nào đến trước.

Trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo dự kiến, số cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá phát hành không thấp hơn mức giá phát hành cho các cổ đông hiện hữu để đảm bảo phân phối được hết toàn bộ số cổ phiếu phát hành và theo nguyên tắc tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết.

Trong trường hợp vẫn không phân phối hết số cổ phần chào bán, Hội đồng quản trị sẽ ưu tiên cho mục đích cơ cấu lại các khoản nợ vay ngân hàng và sẽ căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty để cân đối sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trên cơ sở đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Công ty và vốn điều lệ sẽ mới được đăng ký căn cứ theo số cổ phần

thực tế đã được phân phối trong đợt phát hành.

Hội đồng quản trị ủy quyền và giao cho Chủ tịch HĐQT Công ty căn cứ vào kế hoạch, nhu cầu đầu tư xây dựng và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để chỉ đạo thực hiện, đồng thời cân đối các nguồn vốn hiện có để giải ngân số tiền thu được từ đợt chào bán một cách hợp lý và hiệu quả, đảm bảo tối đa lợi ích của Công ty và cổ đông.

1. Thanh toán nợ vay ngân hàng

❖ Trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietin Bank) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT360-VUDANG ký ngày 21/06/2021

- Tổng hạn mức tín dụng được cấp: tối đa 120.000.000.000 đồng
- Lãi suất: theo lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ
- Thời hạn duy trình hạn mức: Từ ngày 21/06/2021 đến hết ngày 21/06/2022
- Mục đích vay nợ: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh bông sợi các loại
- Thời hạn cho vay: theo từng Giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 05 tháng đối với sản xuất sợi và/hoặc 03 háng đối với thương mại bông
- Mối quan hệ: Không có
- Số tiền sử dụng vốn từ đợt chào bán để trả nợ: 26.000.000.000 đồng.

❖ Trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2018-HĐCVDADT/NHCT360-VUDANG ký ngày 20/04/2018

- Tổng hạn mức tín dụng được cấp: tối đa 99.000.000.000 đồng
- Lãi suất: theo lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ
- Mục đích vay nợ: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án cho vay, phát hành bảo lãnh/mở LC đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sợi OE ("Dự án")
- Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên
- Mối quan hệ: Không có
- Số tiền sử dụng vốn từ đợt chào bán để trả nợ: 46.000.000.000 đồng.
- Thời hạn dự kiến trả nợ: đến năm 2026

2. Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng số 23/VD-HY/21 ngày 13/10/2021, Công ty đã đặt cọc/tạm ứng cho Chino Machinery International Limited số tiền 34,059 USD, tổng số tiền còn phải thanh toán sau khi nhận hàng là 647,121 USD. Công ty dự kiến dùng toàn 14.500.000 đồng tiền thu được từ phát hành để thanh toán, phần còn lại được lấy từ nguồn khác của Công ty.

Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không.

3. Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 07/2020/NQ-HĐQT-SVD ngày 14/10/2021, Hội đồng quản trị đã thống nhất dùng 42,5 tỷ đồng tiền thu được từ đợt phát hành để bổ sung vốn lưu động thanh toán cho các hợp đồng kinh tế, cụ thể như sau:

Nhà cung cấp	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm/dịch vụ cung cấp	Tổng giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Linh Khoa (1)	28/LK - VD/2021	27/09/2021	Bông các loại	21.054.000.000	Quý I năm 2022	Không có
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Mỹ Trang (2)	08/HĐMB/MT-VĐ	01/10/2021	Bông các loại	8.151.000.000	Quý I năm 2022	Không có
	14/HĐMB/MT-VĐ	06/10/2021	Bông các loại	9.900.000.000	Quý I năm 2022	
Công ty TNHH Thương mại Cửu Long (3)	15/CL - VD/21	28/09/2021	Bông các loại	6.709.500.000	Quý I năm 2022	Không có
Tổng cộng				45.814.500.000		

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Linh Khoa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108094042 do Sở Kế hoạch Đầu tư và Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/12/2017. Theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 28/LK-VD/2021 ngày 27/09/2021, Công ty đã đặt cọc/tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Linh Khoa số tiền 2 tỷ đồng, tổng số tiền còn phải thanh toán sau khi nhận hàng là 19.054.000.000 đồng. Trong đó, Công ty dự kiến dùng 19.049.000.000 đồng tiền thu được từ phát hành để thanh toán, phần còn lại được lấy từ nguồn khác của Công ty

(2) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Mỹ Trang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701664420 do Sở Kế hoạch Đầu tư và tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 04/01/2020. Theo các hợp đồng mua bán số 08/HĐMB/MT-VĐ ngày 01/10/2021 và số 14/HĐMB/MT-VĐ ngày 06/10/2021, Công ty đã đặt cọc/tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Mỹ Trang số tiền 600 triệu đồng, tổng số tiền còn phải thanh toán sau khi nhận hàng là 17.451.000.000 đồng. Công ty dự kiến dùng toàn bộ nguồn tiền từ thu được từ phát hành để thanh toán số tiền nêu trên.

(3) Công ty TNHH Thương mại Cửu Long hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100381341 do Sở Kế hoạch Đầu tư và Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/05/1996. Theo Hợp đồng mua bán số 15/CL-VĐ/21 ngày 28/09/2021, Công ty đã đặt cọc/tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại Cửu Long số tiền 700 triệu đồng, tổng số tiền còn phải thanh toán sau khi nhận hàng là 6.009.500.000 đồng. Trong đó, Công ty dự kiến dùng 6.000.000.000 đồng tiền thu được từ phát hành để thanh toán, phần còn lại được lấy từ nguồn khác của Công ty.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

- Trụ sở chính: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

- Điện thoại: (024) 37 425 888

Fax: (024) 37 578 666

- Website: <http://kiemtoanttp.com> - <http://kiemtoanttp.vn>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

- Trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

- Điện thoại: (84-24) 3944 6666

Fax: (84-24) 3944 8071

- Website: www.irs.com.vn

- Ý kiến của tổ chức tư vấn:

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 58/UBCK-GPHĐKD cấp ngày 06/07/2007, đáp ứng các tiêu chuẩn cao về vốn, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực và tính minh bạch do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia với tư cách là tổ chức tư vấn, đã tiến hành thu thập các thông tin về Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng, nghiên cứu và phân tích một cách cẩn trọng để đưa ra đánh giá về đợt chào bán cổ phiếu, cụ thể như sau:

Công ty có những lợi thế nhất định về tiềm lực tài chính, đối tác làm việc đều có thương hiệu, uy tín lớn trên thị trường. Bên cạnh đó, với đội ngũ người lao động có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm, cùng với Ban lãnh đạo Công ty có nhiều kiến thức, kinh nghiệm, luôn sâu sát và tìm kiếm mở rộng thị trường. Từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty và tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông.

Với mục đích của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng lần này nhằm huy động vốn cho mục đích như: Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và thanh toán nợ vay ngân hàng, điều này sẽ góp phần không nhỏ để Công ty nâng cao năng lực tài chính, mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh, hỗ trợ và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Khối lượng chào bán đợt này là 12.900.000 cổ phần, giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần, với sự đồng thuận cao từ các cổ đông tham dự Đại hội về phương án chào bán cùng với những triển vọng của Công ty trong thời gian tới, Chúng tôi cho rằng đợt chào bán này có tính khả thi cao, phù hợp với định hướng và kế hoạch phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng, Công ty sẽ có đủ nguồn vốn lưu động để giảm áp lực nợ vay, phát triển quy mô hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Thái Bình, ngày 27 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MAI ANH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ KHÁNH LINH

VŨ TUẤN PHƯƠNG

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
GIÁM ĐỐC KHỐI TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



HOÀNG VĂN BỘ

XIII. PHỤ LỤC:

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng;
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng;
- 3. Phụ lục III:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VĐ ngày 24/06/2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VĐ ngày 27/10/2021 ;
- 4. Phụ lục IV:** Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2021/NQ-HĐQT-VĐ ngày 14/10/2021 về việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty;
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2021/NQ-HĐQT-VĐ ngày 23/11/2021 về việc thông qua phương án phát hành đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty
- 5. Phụ lục V:** Các Báo cáo tài chính của Công ty:
 - Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán;
 - Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán;
 - Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 được soát xét
 - Báo cáo tài chính tự lập Quý 4 năm 2021;
- 6. Phụ lục VI:** Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu ngày 18/02/2020 được kiểm toán.